

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100107691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2005 và thay đổi lần thứ 19 ngày 07 tháng 04 năm 2021)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 43./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 3 năm 2023..)

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: 473 Minh Khai, P.Vĩnh Tuy, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (024) 3862 3566 Fax: (024) 3861 2114

Email: infor@vinatranco.vn

Website: <http://vinatranco.com.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN



FPT Securities

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính: 52 Lạc Long Quân, P. Bưởi, Q. Tây Hồ, TP.Hà Nội

Điện thoại: 19006446 Fax: 024 3773 9058

Website: <http://fpts.com.vn>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Đỗ Trường Giang Chức vụ: Kế toán trưởng

Điện thoại: (024) 3862 3566 Fax: (024) 3861 2114

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100107691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2005 và thay đổi lần thứ 19 ngày 07 tháng 04 năm 2021)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán/ phát hành	2.412.000 cổ phiếu
<i>Trong đó:</i>	
<i>Phát hành cổ phiếu trả cổ tức:</i>	<i>612.000 cổ phiếu</i>
<i>Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:</i>	<i>1.800.000 cổ phiếu</i>
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán/ phát hành theo mệnh giá	24.120.000.000 đồng
<i>Trong đó:</i>	
<i>Phát hành cổ phiếu trả cổ tức:</i>	<i>6.120.000.000 đồng</i>
<i>Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:</i>	<i>18.000.000.000 đồng</i>

TỔ CHỨC BẢO LÃNH hoặc ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI: Không có

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 1, phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3824 1990

Fax: (024) 3825 3973

Website: <https://aasc.com.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: 52 Lạc Long Quân - P. Bưởi - Q. Tây Hồ - TP. Hà Nội.

Điện thoại: 19006446

Fax: 024 3773 9058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh

Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 19006446

Fax: 028. 6291 0607

Chi nhánh tại Tp Đà Nẵng

100 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 19006446

Fax: 0236 3553 888

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	7
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1. Rủi ro kinh tế.....	7
2. Rủi ro về luật pháp.....	11
3. Rủi ro đặc thù.....	11
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	11
5. Rủi ro pha loãng.....	12
6. Rủi ro về quản trị Công ty.....	13
7. Rủi ro khác.....	14
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	15
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	16
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	16
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	20
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	20
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý.....	21
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	28
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	29
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác.....	30
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	30
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	31
10. Hoạt động kinh doanh.....	31
11. Chính sách đối với người lao động.....	50
12. Chính sách cổ tức.....	52
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	52
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành:.....	54
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	54
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	54
V.. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	54

1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	54
2. Tình hình tài chính.....	56
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	66
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	66
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	70
1. Thông tin về cổ đông sáng lập.....	71
2. Thông tin về cổ đông lớn	71
3. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	72
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	90
1. Loại cổ phiếu.....	91
2. Mệnh giá cổ phiếu:.....	91
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán, phát hành:.....	91
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán, phát hành theo mệnh giá.....	91
5. Giá chào bán dự kiến:	91
6. Phương pháp tính giá.....	91
7. Phương thức phân phối	91
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	93
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	94
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	95
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	96
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành:.....	96
13. Hủy bỏ đợt chào bán (trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để thực hiện dự án)	96
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	96
15. Các loại thuế có liên quan.....	97
16. Thông tin về các cam kết.....	98
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	98
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	99
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	99
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	100
1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN.....	100
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN	100
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ:.....	101
XII. PHỤ LỤC.....	101

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh chính	17
Bảng 2. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	29
Bảng 3 Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm - Công ty mẹ	36
Bảng 4 Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm – Hợp nhất	37
Bảng 5. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm – Công ty mẹ	37
Bảng 6. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm – Hợp nhất	37
Bảng 7. Danh sách giá trị tài sản Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2021	38
Bảng 8. Danh sách giá trị tài sản Công ty hợp nhất tại thời điểm 31/12/2021	39
Bảng 9. Danh sách giá trị tài sản Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2022	38
Bảng 10. Danh sách giá trị tài sản Công ty hợp nhất tại thời điểm 31/12/2022	40
Bảng 11. Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ theo thị trường hoạt động	40
Bảng 12. Cơ cấu lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ theo thị trường hoạt động	40
Bảng 13. Cơ cấu doanh thu Hợp nhất theo thị trường hoạt động	41
Bảng 14. Cơ cấu lợi nhuận sau thuế Hợp nhất theo thị trường hoạt động	41
Bảng 15. Các hợp đồng lớn đã được thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	42
Bảng 16. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn	43
Bảng 17. Tình hình lao động trong công ty	51
Bảng 18. Tỷ lệ chi trả cổ tức 2 năm gần nhất của Công ty	52
Bảng 19. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh công ty mẹ	54
Bảng 20. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh công ty hợp nhất	55
Bảng 21. Vốn điều lệ qua các năm	56
Bảng 22. Tình hình vốn kinh doanh công ty mẹ	57
Bảng 23. Tình hình vốn kinh doanh công ty hợp nhất	57
Bảng 24. Tình hình công nợ Công ty mẹ	58
Bảng 25. Tình hình công nợ Hợp nhất	58
Bảng 26. Các khoản nợ phải thu của Công ty mẹ	58
Bảng 27. Các khoản phải thu quá hạn tại 31/12/2022 – Công ty mẹ	59
Bảng 28. Các khoản nợ phải thu của Công ty hợp nhất	59
Bảng 29. Các khoản phải thu quá hạn tại 31/12/2022 – Hợp nhất	60
Bảng 30. Các khoản nợ phải trả của công ty mẹ	60
Bảng 31. Các khoản nợ phải trả của công ty hợp nhất	61
Bảng 32. Các khoản phải nộp của công ty mẹ theo luật định	62
Bảng 33. Các khoản phải nộp của công ty hợp nhất theo luật định	62
Bảng 34. Số dư các quỹ Công ty mẹ	63
Bảng 35. Số dư các quỹ Công ty hợp nhất	63
Bảng 36. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Công ty mẹ	64
Bảng 37. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất	65
Bảng 38. Kế hoạch Doanh thu, Lợi nhuận và cổ tức năm 2022 – Công ty mẹ	67
Bảng 39. Kế hoạch Doanh thu, Lợi nhuận và cổ tức năm 2022 – Hợp nhất	67
Bảng 40. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty	71
Bảng 41. Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan	71
Bảng 42. Danh sách Hội đồng quản trị	71
Bảng 43. Danh sách Ban Tổng giám đốc	81
Bảng 44. Danh sách Ban kiểm soát	86
Bảng 45. Lịch trình dự kiến phân phối chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán cổ phiếu để trả cổ tức để tăng vốn Điều lệ năm 2022	94

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ông: Nguyễn Văn Xuân	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông: Nguyễn Kim Cương	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà: Vũ Thị Thơm	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Đại diện Tổ chức tư vấn: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Chức vụ: Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

Quyết định Ủy quyền Số 134/2021/QĐ/FPTS-FHR ngày 21/12/2020 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 120/2022/FPTS/FCF-HN/VXT giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT và CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại được ký kết ngày 14/04/2022. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh được đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động bất ngờ của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro kinh tế là loại rủi ro có hệ thống nên chịu tác động của các điều kiện kinh tế chung như tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP, lạm phát, sự thay đổi của tỷ giá hối đoái, lãi suất, Đây là rủi ro tác động tới toàn bộ thị trường và không thể kiểm soát được, chính vì vậy, doanh nghiệp cần đánh giá chính xác yếu tố rủi ro này để dự phòng mức độ tác động của nó đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành an toàn cho mô hình kinh doanh.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây có sự tăng trưởng mạnh mẽ nhờ vào những nỗ lực điều hành của Chính phủ. Các chính sách điều hành nền kinh tế từ chính sách tài khóa đến chính sách tiền tệ đều có sự linh hoạt để đạt mục tiêu tăng trưởng mà Quốc hội đề ra. Bên cạnh đó, nhờ những thay đổi tích cực trong các chính sách điều hành, môi

trường hoạt động kinh doanh tại Việt Nam trong những năm qua trở nên ổn định. Các doanh nghiệp có nhiều cơ hội tăng trưởng và mở rộng hoạt động kinh doanh.

• **Tăng trưởng GDP:** Tăng trưởng GDP là nhân tố vĩ mô có ảnh hưởng đến hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế.

Hình 1. Tăng trưởng GDP giai đoạn từ năm 2011 đến 2021



Nguồn: Tổng cục thống kê

Tốc độ tăng trưởng GDP tại Việt Nam trong những năm qua cho thấy nhiều tín hiệu tích cực. Sau thời điểm khủng hoảng kinh tế thế giới 2008, nền kinh tế Việt Nam trải qua giai đoạn khó khăn với tốc độ tăng trưởng GDP giảm từ 6,8% năm 2010 xuống dưới 6% và duy trì cho đến năm 2013. Từ năm 2014 trở đi, nền kinh tế Việt Nam bắt đầu tăng tốc trở lại và đạt 6,68% trong năm 2015. Bước sang giai đoạn 2017 – 2018, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng mạnh với tốc độ lần lượt đạt 6,8% và 7,08%. Đây là mức tăng trưởng cao nhất kể từ cuộc khủng hoảng 2008. Bước sang năm 2019, kinh tế Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng 7,02% trong bối cảnh kinh tế thế giới không có nhiều khởi sắc. Năm 2020 -2021, do ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19, nền kinh tế Việt Nam trong sáu tháng đầu năm 2020 đã tăng trưởng chậm lại. (GDP năm 2020 tăng 2,91%; năm 2021 tăng 2,58%)

GDP năm 2021 tăng 2,58% (quý I tăng 4,72%; quý II tăng 6,73%, quý III giảm 6,02%; quý IV tăng 5,22%) thấp hơn mức tăng của năm 2020 và cũng là mức tăng thấp nhất trong thập kỷ gần đây, do đợt dịch Covid-19 từ cuối tháng 4/2021 bùng phát ở nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Quốc hội nêu rõ mục tiêu thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng của nhân dân cùng với tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ hiệu quả người dân và doanh nghiệp, đồng thời đặt ra chỉ tiêu tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) khoảng 6-6,5% trong năm 2022.

Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam trong giai đoạn 10 năm, từ 2021 – 2030 được Quốc hội đề ra ở mức trung bình 7%/năm. Các Tổ chức về tài chính lớn như WB (Ngân hàng thế giới) và IMF (Quỹ tiền tệ thế giới) cũng đều dự báo khả quan đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng trong các năm tiếp theo có đạt được như kế hoạch hay không phụ thuộc rất

nhiều vào khả năng kiểm soát tốt dịch Covid-19, các chính sách ngoại giao, thương mại giữa các nước trên thế giới, hoạt động đầu tư công cũng như sự tăng trưởng của đầu tư tư nhân.

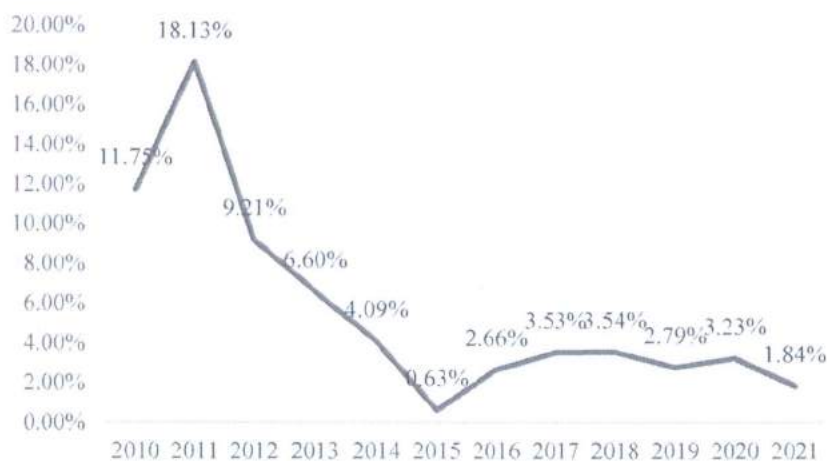
1.2. Lạm phát

Lạm phát là một chỉ báo đánh giá sự ổn định của nền kinh tế. Lạm phát được giữ ở mức phù hợp là một trong những mục tiêu mà Quốc hội đặt ra. Trong giai đoạn 2014-2017, lạm phát tại Việt Nam được kiểm chế ở mức dưới 5%. Trong đó năm 2015, lạm phát giảm mạnh xuống chỉ còn 0,63%. Đây là mức thấp nhất trong 10 năm gần đây. Sau giai đoạn trên, lạm phát đã tăng trở lại và đạt 3,53% năm 2017 và 3,54% năm 2018. Trong năm 2019, lạm phát được kiểm soát ở mức 2,79%. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với năm trước, đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2020 dưới 4% của Quốc Hội đề ra trong bối cảnh một năm với nhiều biến động khó lường. Năm 2021, trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển liên tục tăng nhưng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm trước, thấp nhất trong 6 năm qua, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra, tiếp tục là năm kiểm soát lạm phát thành công.

Theo Tổng cục Thống kê, sang năm 2022, nếu dịch Covid-19 được kiểm soát, nhu cầu sản xuất và tiêu dùng tăng lên, lạm phát sẽ chịu tác động của vấn đề tăng giá nguyên, nhiên, vật liệu trên thế giới như xăng dầu, than và giá cước vận chuyển. Xu hướng lạm phát thế giới cũng có những tác động đến kinh tế Việt Nam năm 2022. Việc nhập khẩu nguyên liệu với mức giá cao sẽ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước lên cao, tạo áp lực cho lạm phát. Năm 2022, Quốc hội đặt chỉ tiêu tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 4%.

Giống như GDP, lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến các doanh nghiệp. Biểu hiện của yếu tố này đó là việc tiêu dùng và đầu tư giảm sút, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Lạm phát tăng còn khiến cho giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán nói riêng.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát từ năm 2010 đến năm 2021



Nguồn: Tổng cục thống kê

1.3. Rủi ro lãi suất

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) điều hành chính sách lãi suất theo hướng duy trì ở mức thấp, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng.

Từ đầu năm 2020 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động, lãi suất liên ngân hàng đã giảm mạnh, hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Năm 2020, mặt bằng lãi suất cho vay giảm bình quân khoảng 1%/năm so với cuối năm 2019 trong đó có một số ngân hàng đã giảm từ 1-2,5%/năm; lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên giảm 1,5%/năm so với đầu năm.

Trong năm 2021, NHNN đã tiếp tục giữ lãi suất điều hành ở mức thấp để tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận vốn với chi phí thấp, có cơ sở giảm lãi suất cho vay. Đồng thời, NHNN cũng chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiết giảm đến mức thấp nhất các loại chi phí, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, chỉ tiêu lợi nhuận để tập trung giảm lãi suất cho vay đối với dư nợ hiện hữu và các khoản cho vay mới.

Khi dịch COVID-19 tái bùng phát với diễn biến nặng và kéo dài hơn, NHNN đã nhanh chóng kéo dài thời gian cơ cấu nợ, miễn, giảm lãi, phí cũng được gia hạn tương tự, nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Ngày 07/09/2021, NHNN ban hành Thông tư 14/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng (TCTD) thực hiện cơ cấu lại nợ, miễn, giảm lãi, phí nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Theo đó: (i) mở rộng đối tượng và thời gian cơ cấu lại nợ (*Điều chỉnh đối tượng cơ cấu lại nợ phát sinh trước ngày 1/8/2021 từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính; điều chỉnh thời gian phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi thêm 6 tháng đến ngày 30/06/2022; mở rộng đối tượng khách hàng bị ảnh hưởng khả năng trả nợ phát sinh từ ngày 10/6/2020 đến trước ngày 01/8/2021 và quá hạn từ ngày 17/7/2021 đến trước ngày 7/9/2021; Việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đến ngày 30/6/2022*); (ii) mở rộng thời hạn miễn, giảm lãi, phí (*đến ngày 30/6/2022*); (iii) mở rộng thời hạn giữ nguyên nhóm nợ (*các TCTD được giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại theo Thông tư của khoản nợ phát sinh từ ngày 23/1/2020 đến trước ngày 1/8/2021*).

Ngoài ra, Quốc hội đã thông qua hỗ trợ lãi suất (2%/năm) tối đa 40.000 tỉ đồng (trong năm 2022, 2023) thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có khả năng trả nợ, có khả năng phục hồi; cho vay cải tạo chung cư cũ, xây dựng nhà ở xã hội, nhà cho công nhân thuê và thuê mua. Điều này sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng bởi đại dịch Covid phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh.

VINATRANCO có sử dụng vốn vay các tổ chức tín dụng để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, do vậy những biến động của lãi suất có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của VINATRANCO. Hơn nữa, sự thay đổi của lãi suất có thể làm thay đổi quyết định đầu tư của các nhà đầu tư, ảnh hưởng lớn đến TTCK, từ đó ảnh hưởng gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

VINATRANCO là Công ty đại chúng hoạt động trong ngành chứng khoán, chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn dưới luật có liên quan.

Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và không kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro luật pháp tại VINATRANCO là rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định, quy trình của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty thường xuyên cập nhật các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến thị trường chứng khoán và các lĩnh vực liên quan. Đảm bảo việc phổ biến các chế độ, chính sách của Nhà nước; quy định, quy trình của công ty cho tất cả các đơn vị, cán bộ có liên quan. Nhờ đó giúp Công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề về pháp luật. Công ty cũng đã ban hành các quy trình nghiệp vụ quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng ban nghiệp vụ và thực hiện phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong Công ty giúp Công ty hạn chế những rủi ro luật pháp trong hoạt động.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro cạnh tranh

Việc ngày càng có nhiều nhà phân phối kinh doanh trong cùng lĩnh vực dầu nhờn đã gây rất nhiều áp lực từ sự cạnh tranh đối với Công ty trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh đó, kể từ khi hội nhập, ký kết các hiệp định thương mại, thị trường Việt Nam đã có nhiều công ty, tập đoàn nước ngoài được trực tiếp kinh doanh tại Việt Nam. Do đó, ngành kinh doanh dầu mỡ bôi trơn đang chịu nhiều áp lực cạnh tranh từ doanh nghiệp trong nước cũng như doanh nghiệp nước ngoài.

Đối với lĩnh vực logistics, việc các công ty nước ngoài được tham gia vào lĩnh vực logistics khiến cạnh tranh ngày một gay gắt những cũng là cơ sở để các công ty trong nước nâng cao chất lượng dịch vụ. VINATRANCO có lợi thế về mặt bằng kho bãi ở các vị trí thuận tiện, đây là lợi thế cạnh tranh mà các công ty nước ngoài không thể có tại thị trường Việt Nam.

3.2. Rủi ro về yếu tố đầu vào

Với lĩnh vực logistics, công ty phải đối mặt với các rủi ro về thay đổi nhiên liệu đầu vào. Trong thời gian gần đây, giá nhiên liệu đầu vào có nhiều sự biến động, do đó công ty luôn phải chủ động tích trữ yếu tố đầu vào lớn để đảm bảo hoạt động liên tục của công ty và không bị động trong trường hợp yếu tố đầu vào tăng giá đột ngột.

Bên cạnh đó, rủi ro về sự biến động giá đất cũng ảnh hưởng rất lớn tới dịch vụ kho bãi của công ty. Để giảm thiểu rủi ro về biến động giá đất, Công ty đã xây dựng kế hoạch cụ thể về quy hoạch và phát triển kho bãi để đem lại giá trị khai thác cao hơn.

Là nhà phân phối các sản phẩm dầu nhờn bôi trơn, do đó Công ty phải phụ thuộc vào bên cung cấp hàng hóa. Nếu nhà phân phối có bất kỳ rủi ro nào thì Công ty sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp. Để hoạt động kinh doanh được ổn định, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng, VINATRANCO luôn có kế hoạch kinh doanh để phòng tránh rủi ro ở mức thấp nhất.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Ảnh hưởng tăng trưởng ổn định của thị trường chưa được khẳng định chắc chắn khi hoạt động của các doanh nghiệp nói chung vẫn còn gặp nhiều khó khăn và điều kiện vĩ mô vẫn cần cải thiện thêm.

Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán bất ổn đã có những tác động đến tâm lý nhà đầu tư, khiến nhà đầu tư dè dặt hơn trong việc đưa ra các quyết định đầu tư của mình.

Đợt chào bán này sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, các yếu tố vĩ mô, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như sự hấp dẫn của cổ phần Công ty và việc không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết cho các cổ đông hiện hữu.

Trong trường hợp không bán hết số cổ phần dự định chào bán, Hội đồng quản trị sẽ chủ động tìm kiếm nguồn vốn khác để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch hoạt động theo mục đích phát hành cổ phiếu.

5. Rủi ro pha loãng

Khi chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

- Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần – EPS (Earning per share)
- Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần - BV (Book value)
- Pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết
- Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.

❖ Rủi ro pha loãng EPS

Công thức tính toán pha loãng EPS dự kiến như sau:

$$EPS_{\text{pha loãng}} = \frac{E}{Qbq}$$

Trong đó:

$EPS_{\text{pha loãng}}$: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt chào bán thành công

E : Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Qbq : Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau chào bán)

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

❖ Rủi ro pha loãng BV

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau

$$BV = \frac{NVCSH}{Q - CPQ}$$

Trong đó:

$NVCSH$: Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông

Q : Tổng số cổ phiếu đã chào bán

CPQ : Tổng số cổ phiếu quỹ

BV : Giá trị sổ sách cổ phiếu

Với việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1 với giá 10.000 đồng/cổ phần thì giá trị sổ sách cổ phiếu (BV) năm 2022 có thể giảm nếu tốc độ tăng của Q cao hơn tốc độ tăng của $NVCSH$.

❖ Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông đang sở hữu)

❖ Rủi ro pha loãng của giá cổ phiếu dự kiến sau khi chào bán thêm cổ phiếu

Vào ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm của cổ đông hiện hữu, giá tham chiếu cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (PR \times I)}{1 + I}$$

Trong đó:

P_{tc} : là giá tham chiếu điều chỉnh trong Ngày giao dịch Không hưởng quyền.

PR_{t-1} : là giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch Không hưởng quyền.

I : là tỷ lệ vốn tăng trong trường hợp thực hiện quyền mua thêm đối với cổ đông hiện hữu: được tính = 1.800.000 cổ phần chào bán thêm quyền mua cho cổ đông hiện hữu/3.600.000 cổ phần đang lưu hành tại thời điểm chào bán ($I = 0,5$)

PR : Giá chào bán đối với quyền mua cổ phiếu ($PR=10.000$ đồng/cổ phiếu)

Rủi ro pha loãng giá xảy ra khi giá cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền $PR_{t-1} > PR = 10.000$ đồng.

6. Rủi ro về quản trị Công ty

6.1 Rủi ro về quản trị công ty

Quản trị công ty tốt có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Quản trị công ty liên quan đến mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các cổ đông và những bên có quyền lợi liên quan tạo nên định hướng và sự kiểm soát công ty.

Chủ trương của Công ty khi tăng vốn là phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Khả năng cổ đông hiện hữu không mua hết lượng cổ phiếu phát hành thêm là điều có thể xảy ra.

Khi đó, số lượng cổ phiếu còn dư sẽ do HĐQT Công ty quyết định phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp. Sự tham gia của các cổ đông mới sẽ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và có thể, xuất hiện những quan điểm khác biệt trong quản trị điều hành, quản trị kinh doanh. Để hạn chế rủi ro này, trong trường hợp phải phân phối cổ phần cho các đối tượng khác, VINATRANCO sẽ tìm kiếm các nhà đầu tư có chung tầm nhìn chiến lược, định hướng kinh doanh để có thể chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau phát triển trong dài hạn.

6.2 Rủi ro về cơ chế quản lý

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, việc lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng quan trọng trong chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Tùy vào tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp mà khung quản trị rủi ro cần được xây dựng phù hợp với chiến lược của doanh nghiệp. Do vậy doanh nghiệp cần quan tâm từ những vấn đề cơ bản nhất để có thể tìm ra giải pháp hữu hiệu, giảm thiểu tối đa rủi ro cho doanh nghiệp.

Rủi ro quản trị công ty là một rủi ro tiềm ẩn, khó dự báo trước nhưng lại có thể ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Rủi ro quản trị có thể xuất phát từ nguyên nhân chủ quan (sai sót của cấp quản lý do năng lực) và khách quan (biến động thị trường, thay đổi văn bản luật) gây tác động trực tiếp tới công tác quản trị tài chính, năng suất lao động... Do vậy, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng cần phải có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các rủi ro này để đảm bảo hiệu quả trong hoạt động quản trị.

Trong thời gian qua, VINATRANCO không ngừng nâng cao năng lực quản lý, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp để đáp ứng được chiến lược, quy mô phát triển mới.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty. Để chủ động đối phó, Công ty luôn xây dựng các kịch bản hoạt động trong đó có tính đến các tình huống xấu nhất.



III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

BGD	: Ban Giám đốc
BKS	: Ban Kiểm soát
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
Công ty	: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại
Điều lệ Công ty	: Điều lệ của Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HDQT	: Hội đồng Quản trị
HNX	: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
HSX	: Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
NĐT	: Nhà đầu tư
NLĐ	: Người lao động
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
Sở KHĐT	: Sở kế hoạch và đầu tư
Tổ chức phát hành	: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại
Tổ chức chào bán	: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại
VINATRANCO	: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại
TCTD	: Tổ chức tín dụng
TTCK	: Thị trường chứng khoán
UBCKNN	: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
UBCK	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSD	: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
VND	: Việt Nam đồng
VCSH	: Vốn chủ sở hữu

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành**

Tên đầy đủ	:	CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
Tên viết tắt	:	VINATRANCO
Tên tiếng Anh	:	TRANSPORT - WAREHOUSING AND TRADE SERVICE JOINT STOCK COMPANY
Giấy phép thành lập và hoạt động	:	Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100107691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2005 và thay đổi lần thứ 19 ngày 07 tháng 04 năm 2021
Địa chỉ trụ sở chính	:	Số 473 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại:	:	(024) 3862 3566 Fax: (024) 3862 1214
Vốn điều lệ	:	36.000.000.000 đồng (Ba mươi sáu tỷ đồng).
Website	:	http://vinatranco.com.vn/

Logo



Người đại diện theo pháp luật:	:	Ông: Nguyễn Vạn Xuân - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ông: Nguyễn Kim Cương - Chức vụ: Tổng Giám Đốc
Mã cổ phiếu	:	VXT
Sàn niêm yết	:	UPCOM

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh chính

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	Dịch vụ đóng gói;	8292
2	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ;	1610
3	Hoạt Động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi Tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh Xuất nhập khẩu và các dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác những mặt hàng: Vật tư, thiết bị, phụ tùng, sấm lốp, phương tiện vận tải, phương tiện xếp dỡ, máy xây dựng công trình, vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, bao bì, nguyên liệu, các sản phẩm dầu mỡ, hóa chất (Trừ hóa chất Nhà Nước cấm), thiết bị văn phòng, hàng tiêu dung, nông sản, lương thực, thực phẩm.; Xuất khẩu phân bón các loại (ure,kali,dap,sa); Nhập khẩu mỹ phẩm các loại (Trừ loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người) Nhập khẩu đồ chơi trẻ em(Trừ loại đồ chơi có hại cho giao dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);	8299
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;	4663
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản - Kinh doanh kho bãi, nhà xưởng, văn phòng làm việc;	6810
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý làm thủ tục hải quan Vận tải, đại ký giao nhận vận tải trong nước và quốc tế; Vận tải quá cảnh, chuyên khẩu,môi giới tàu biển, dịch vụ cảng;	5229
7	Bán Buôn tổng hợp Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng, sấm lốp, phương tiện vận tải, phương tiện xếp dỡ, máy xây dựng công trình, vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, bao bì,nguyên liệu, các sản phẩm dầu mỡ, hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm), thiết bị văn phòng, hàng tiêu dung, nông sản, lương thực, thực phẩm;	4690
8	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý ký gửi: Vật tư, thiết bị, phụ tùng, sấm lốp, phương tiện vận tải, phương tiện xếp dỡ, máy xây dựng công trình, vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, bao bì, nguyên liệu, các sản phẩm dầu mỡ, hóa	4610

	chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm), thiết bị văn phòng, hàng tiêu dùng, nông sản, lương thực, thực phẩm;	
9	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bán bảo hiểm;	6622
10	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Sản xuất gia công cơ khí;	2592
11	Tái chế phế liệu Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh phế liệu: Sắt thép phế liệu, kim loại màu phế liệu, giấy phế liệu, nhựa phế liệu;	3830
12	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng xe ô tô theo hợp đồng	4932
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô trong hợp đồng;	4933
14	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Kinh doanh bia rượu nước giải khát (Không bao gồm kinh doanh quán bar);	4633
15	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh phân bón các loại (ure,kali, dap, sa) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; 	4669
16	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
17	Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón	0891
18	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác ... + Đá quý, bột thạch anh, mica 	0899
19	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
20	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
21	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
22	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim, - Sản xuất len xi, len đá, len khoáng tự nhiên - Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì 	2399

	- Sợi các bon và graphit và các sản phẩm từ sợi các bon	
23	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1392
24	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
25	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
26	Sản xuất giày dép	1520
27	Bán buôn vãn, hàng may sẵn, giày dép	4641
28	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chi kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4771
29	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành in. - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi). - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
30	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Hoạt động giáo dục nghề nghiệp	8532
31	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
32	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học	8560
33	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
34	Cung ứng lao động tạm thời	7820
35	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng quản lý nguồn lao động trong nước và nước ngoài	7830

Nguồn: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

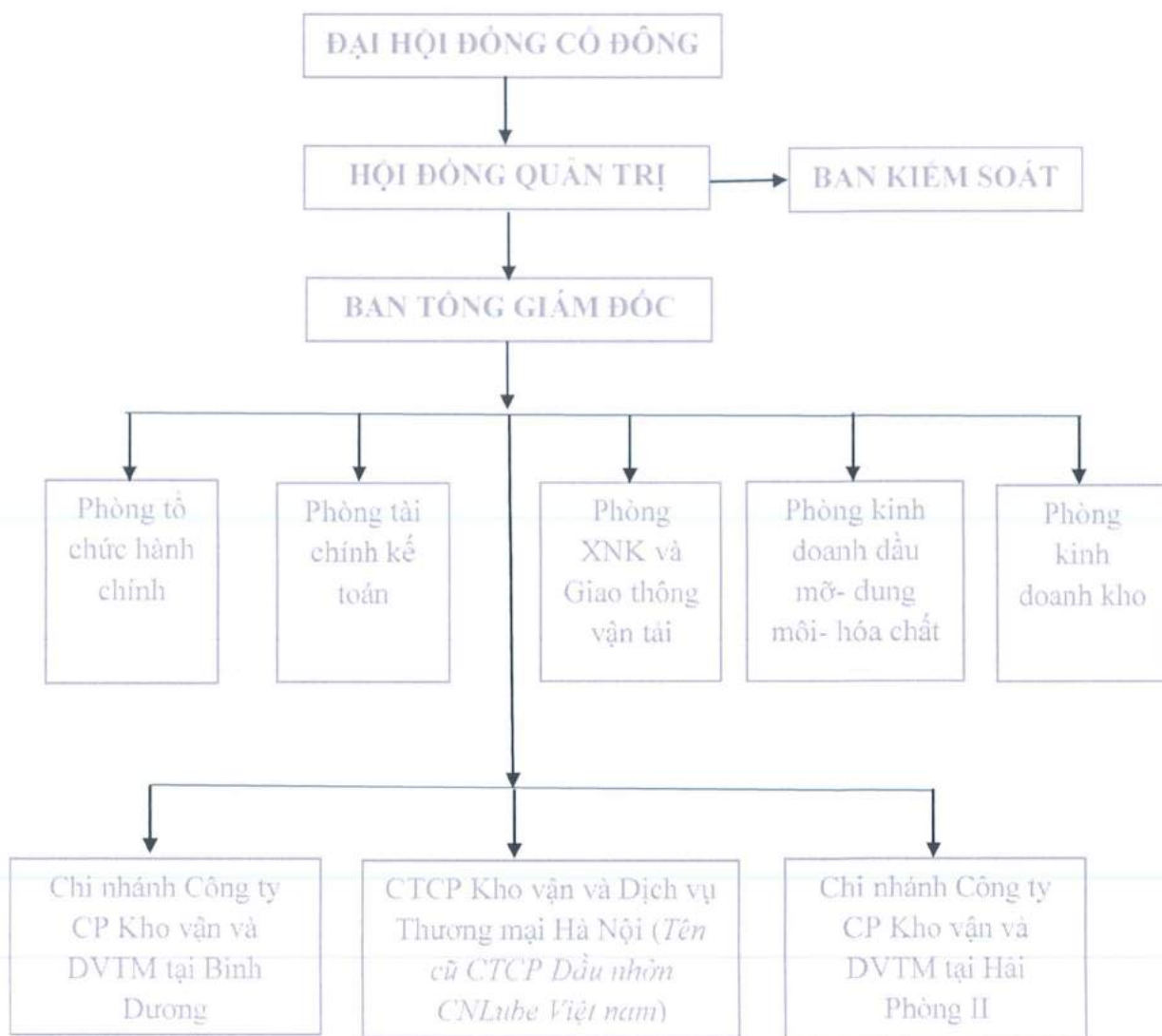
Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại (tên viết tắt là Vinatranco) tiền thân là Công ty Kho vận và Dịch vụ thương mại- một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại được thành lập năm 1981.

- Năm 2004: Thực hiện chính sách đổi mới và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, 5/11/2004 Bộ Thương Mại ký quyết định số 1632/QĐ-BTM ngày 5/11/2004 chuyển thành công ty CP kho vận và dịch vụ thương mại – Vinatranco. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần: 18.000.000.000 (Mười tám tỷ đồng Việt Nam), trong đó tỷ lệ cổ phần Nhà nước 40% vốn Điều lệ; tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động trong doanh nghiệp: 51,25% vốn điều lệ; tỷ lệ cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp: 8,75% vốn điều lệ.
- Năm 2005: Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại số 1311/QĐ-BTM ngày 28/4/2015 điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 1632 /QĐ-BTM về việc chuyển Công ty Kho vận Dịch vụ thương mại thành Công ty cổ phần như sau: Vốn Điều lệ của Công ty cổ phần: 16.000.000.000 đồng (Mười sáu tỷ đồng Việt Nam). Trong đó tỷ lệ cổ phần Nhà nước chiếm 32,5% vốn Điều lệ; Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động trong doanh nghiệp 57,6%; tỷ lệ cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp 9,9% vốn điều lệ.
- Ngày 11/08/2008: Trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 12% và phát hành cổ phiếu thưởng cho lao động xuất sắc tăng vốn điều lệ công ty lên 1.808.000 cổ phần giá trị 18.080.000.000 đồng, trong đó: Vốn nhà nước: 582.400 cổ phần trị giá: 5.824.000.000 đồng, các cổ đông còn lại: 1.225.600 cổ phần giá trị 12.256.000.000 đồng.
- Năm 2010: Phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu tỷ lệ 10:3 tăng vốn điều lệ công ty lên thành 23.504.000.000 đồng, giá trị 23.504.000.000 đồng, trong đó Nhà nước: 757.120 cổ phần, giá trị: 7.517.200.000 đồng, các cổ đông còn lại: 1.593.280 cổ phần, giá trị: 15.932.000.000 đồng.
- Tháng 12/2020 phát hành cổ phiếu mệnh giá 10.000đ. Tổng lượng đăng ký chào bán: 1.249.600 cổ phiếu (Một triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm cổ phiếu), trong đó: Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 1.175.200 cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện 2:1 (tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền. 01 quyền được mua 02 cổ phần mới); Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động: 74.400 cổ phiếu.
- Tháng 4 năm 2021, Công ty Tăng vốn điều lệ lên 36.000.000.000 đồng (Ba mươi sáu tỷ đồng).

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát. Công ty không có công ty mẹ; Công ty có 1 công ty con và không có công ty liên kết.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý



Nguồn: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại

- a. Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Quyền và nghĩa vụ Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - Phê duyệt Quy chế quản trị Công ty;
 - Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- b. Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị (“HDQT”) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HDQT của Công ty hiện tại có sáu (05) thành viên. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;
 - Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc quản lý rủi ro và người quản lý khác; quyết định mức lương và lợi ích khác của các người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - Trình báo cáo tài chính kiểm toán năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty có giá trị đến dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - Thành lập các công ty con của Công ty;
 - Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn mười hai (12) tháng;
 - Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
 - Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh bao gồm cả kế hoạch ngân sách và kế hoạch nhân sự hàng năm;
 - Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy định về về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các người điều hành khác;
 - Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;
 - Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo qui định của Điều lệ và Pháp luật.
- c. Ban kiểm soát: Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, bao gồm:
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
 - Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;

- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc;
 - Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- d. Ban Tổng giám đốc: Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc Công ty có ba (04) người, gồm: một (01) Tổng Giám đốc, hai (03) Phó Tổng Giám đốc.
- Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
 - Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc của Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền.
- e. Phòng tổ chức hành chính
- Phòng Tổ chức hành chính có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện những nhiệm vụ về công tác Tổ chức hành chính của các đơn vị trực thuộc Công ty và trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ sau:
- Công tác Tổ chức cán bộ, lao động tiền lương.*
- Nghiên cứu đề xuất phương án về tổ chức bộ máy của Công ty cho phù hợp với sự phát triển của đơn vị qua từng thời kỳ;
 - Nghiên cứu và nắm vững quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty đảm bảo cho hoạt động Công ty luôn phù hợp với Pháp luật;
 - Thực hiện công tác lao động, tiền lương; công tác cán bộ và quy hoạch cán bộ của Công ty, tuyển dụng đào tạo lao động, theo dõi ký hợp đồng lao động, quản lý, điều động, chuyển người lao động;
 - Quản lý hồ sơ cán bộ, giải quyết chế độ cho người lao động: nâng lương, chuyển xếp ngạch, nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, độc hại, nghỉ ốm, thai sản và phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước;
 - Theo dõi việc xét nâng lương, thi đua, khen thưởng, kỷ luật;
 - Thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
 - Thanh toán lương cho khối Văn phòng, đề xuất tiền thưởng cho toàn công ty.
 - Xây dựng hệ thống các quy chế, quy định cho công ty và giám sát việc chấp hành các nội quy đó
 - Xây dựng tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, lập kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, kế hoạch tài chính hàng năm về vấn đề đào tạo
 - Thực hiện công tác kiểm tra PCCC, PCLB, thanh tra, bảo vệ

- Thực hiện giải quyết các đơn từ, thanh tra, khiếu nại
- Tổ chức, phối hợp và hỗ trợ các bộ phận khác để thực hiện công việc do Ban lãnh đạo phân công.

Công tác hành chính quản trị

- Đánh máy tài liệu, văn bản theo yêu cầu của lãnh đạo Công ty, chuyển công văn đi đến, lưu giữ hồ sơ tài liệu, quản lý và sử dụng con dấu theo quy định.
- Sắp xếp, bố trí phòng làm việc và các công trình phục vụ CBCNV làm việc tại Văn phòng.
- Quản lý việc sử dụng xe con, điện, nước, điện thoại, mua sắm trang thiết bị, văn phòng phẩm của Văn phòng công ty.
- Lập kế hoạch xây dựng đầu tư cơ bản toàn công ty, thực hiện sửa chữa nhà cửa, kho bãi...
- Quản lý quỹ tiền mặt và trực tiếp thu chi tiền mặt của công ty theo đúng các qui định hiện hành của Nhà nước và qui chế của công ty.
- Thực hiện công tác đối nội, đối ngoại: tiếp nhận, tổng hợp thông tin, xử lý các thông tin theo chức năng, quyền hạn của phòng
- Tổ chức hội nghị và các buổi khánh tiết của Công ty.

f. Phòng tài chính kế toán

Phòng Tài chính kế toán có chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác TCKT của Công ty và trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ sau:

Công tác tài chính kế toán

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính. Phối hợp với các bộ phận có liên quan lập kế hoạch cân đối nguồn vốn sử dụng và sử dụng đạt hiệu quả cao. Chủ động đảm bảo vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán. Tổ chức bảo quản, lưu giữ chứng từ, hồ sơ kế toán theo quy định của Pháp luật và Công ty.;
- Ghi chép, hạch toán trung thực, đầy đủ, chính xác, kịp thời các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình SXKD. Hạch toán chi phí theo từng khâu nghiệp vụ kinh doanh và theo phòng chức năng để phục vụ cho công tác phân tích hoạt động kinh tế và thực hiện khoán khi đủ điều kiện.
- Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu nộp ngân sách, thanh toán nợ. Phát hiện và ngăn chặn kịp thời những hành vi tham ô, lãng phí, vi phạm chế độ tài chính, kế toán;
- Theo dõi việc mua bán cổ phiếu, tính lãi và trả cổ tức theo quy định.
- Lập báo cáo tài chính theo chế độ hiện hành. Cung cấp thông tin, số liệu về tình hình tài chính của Công ty theo yêu cầu của cá nhân và tổ chức có thẩm quyền.
- Quản lý quỹ trên sổ sách, theo dõi tồn quỹ bằng tiền mặt, cổ phiếu, trái phiếu và các chứng chỉ khác có giá trị bằng tiền. Theo dõi tồn kho và phối hợp với các phòng KD đối chiếu xác nhận công nợ, đốc thúc thu hồi công nợ, đánh giá rủi ro về công nợ phải thu, trị giá hàng hóa tồn kho định kỳ theo quy định
- Tham mưu giúp Tổng giám đốc trong việc thuê Công ty kiểm toán, tư vấn tài chính nhằm cung cấp số liệu kế toán chính xác, trung thực, đúng pháp luật.
- Tham gia vào việc phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dựa trên các số liệu tài chính kế toán nhằm mục đích xác định được nguồn dự trữ tài chính nội bộ, giảm thiểu các chi phí trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Thực hiện trích lập các quỹ theo qui định hiện hành của Nhà nước và điều lệ của Công ty.

Công tác quản lý, kiểm tra

- Tham mưu giúp Tổng Giám đốc tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nghiệp vụ kế toán, tài chính và quản lý tài sản của Công ty theo đúng Pháp luật hiện hành và các qui định quản lý tiền hàng của Công ty.
- Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc về nghiệp vụ ghi chép, hạch toán kế toán và thực hiện chế độ báo cáo đúng chế độ và thời gian quy định.
- Thực hiện việc kiểm toán nội bộ đối với các đơn vị chi nhánh trực thuộc

g. Phòng kinh doanh dầu mỡ - dung môi - hóa chất

Phòng Kinh doanh dầu mỡ - dung môi - hóa chất thực hiện chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc điều hành và trực tiếp kinh doanh trong lĩnh vực dầu mỡ nhờn, dung môi, hoá chất và các dịch vụ thương mại khác có liên quan theo đúng Pháp luật hiện hành với các nhiệm vụ sau:

Công tác kinh doanh dầu mỡ, dung môi, hóa chất

- Khảo sát, nghiên cứu mở rộng thị trường, mặt hàng KD trong và ngoài nước;
- Xây dựng kế hoạch, phương án kinh doanh các mặt hàng dầu mỡ, dung môi, hoá chất và các sản phẩm khác có nguồn gốc từ dầu mỏ. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các lô hàng, các hợp đồng Công ty giao;
- Ngoài nhiệm vụ trên, được kinh doanh những mặt hàng Nhà nước không cấm.
- Công tác quản lý
- Quản lý tốt tiền hàng trong quá trình KD;
- Quản lý khách hàng, giám sát hoạt động kinh doanh, nắm bắt tình hình thị trường để đề xuất và triển khai các phương án kinh doanh, phát triển thị trường phù hợp với thực tế và chiến lược phát triển của Công ty
- Thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh và hiệu quả KD của phòng theo từng tháng, quý, năm
- Thực hiện đúng nguyên tắc quản lý kinh tế, lập chứng từ, hoá đơn gốc theo quy định của Pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ của phòng Tài chính - Kế toán.
- Đôn đốc thu hồi công nợ, chịu trách nhiệm về các khoản nợ của khách hàng do phòng quản lý
- Thanh toán kịp thời các khoản tạm ứng của phòng
- Phối hợp với phòng có nghiệp vụ kinh doanh kho để hướng dẫn các khu vực kho về quy hoạch chất xếp, bảo quản hàng hoá dầu mỡ nhờn, dung môi hóa chất của Công ty và của các đơn vị khách hàng có hàng dầu mỡ nhờn gửi tại kho.
- Hướng dẫn, giúp đỡ các đơn vị trực thuộc thực hiện tốt các nghiệp vụ kinh doanh có liên quan.
- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng tiếp thị bán hàng cho nhân viên của phòng.
- Đảm bảo nguyên tắc bảo mật trong kinh doanh. Đối với nhân viên vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của công ty.

h. Phòng kinh doanh xuất nhập khẩu và giao nhận vận tải

Phòng xuất nhập khẩu và giao nhận vận tải thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty trong công tác xuất nhập khẩu, giao nhận vận tải và kinh doanh thương mại của công ty. Cụ thể với các nhiệm vụ như sau:

Công tác xuất nhập khẩu

- Tham mưu giúp Tổng Giám đốc điều hành và trực tiếp kinh doanh trong lĩnh vực xuất nhập khẩu theo đúng Pháp luật hiện hành. Chủ động khảo sát, nghiên cứu mở rộng thị trường kinh doanh trong và ngoài nước;
- Xây dựng kế hoạch, phương án kinh doanh, trực tiếp xuất nhập khẩu và ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa khi có nhu cầu. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các lô hàng, các hợp đồng công ty giao;
- Ngoài những nhiệm vụ trên, được kinh doanh những mặt hàng Nhà nước không cấm;

Công tác giao nhận vận tải và kinh doanh thương mại

- Tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, điều hành và trực tiếp kinh doanh trong lĩnh vực Giao nhận, vận tải và Kinh doanh thương mại, kinh doanh kho bãi, nhà xưởng theo đúng Pháp luật hiện hành. Chủ động khảo sát, nghiên cứu mở rộng thị trường KD trong và ngoài nước;
- Xây dựng kế hoạch, phương án kinh doanh vận tải; đại lý giao nhận vận tải trong nước và quốc tế; đại lý làm thủ tục hải quan; vận tải quá cảnh, chuyển khẩu, môi giới tàu biển, dịch vụ cảng; kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các hợp đồng Công ty giao.

Công tác quản lý, kiểm tra

- Quản lý tiền hàng trong quá trình kinh doanh, quản lý và chỉ đạo các khâu kinh doanh Giao nhận vận tải, kinh doanh thương mại, kinh doanh kho bãi ở VPCT và các đơn vị trực thuộc
- Thường xuyên kiểm tra đôn đốc các công việc liên quan đến việc kinh doanh kho như: Hiệu suất cho thuê kho, chất xếp, bảo quản hàng hóa... Phối hợp với các phòng liên quan xây dựng, hoàn thiện qui định nhập, xuất, bảo quản hàng hóa tại các khu vực kho.
- Thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh theo từng lô hàng và theo từng tháng, quý, năm
- Thực hiện đúng nguyên tắc quản lý kinh tế, lập chứng từ, hóa đơn gốc theo quy định của Pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ của phòng Tài chính kế toán.
- Đôn đốc thu hồi công nợ, chịu trách nhiệm về các khoản nợ của khách hàng do phòng quản lý
- Kiểm tra, quản lý giám sát các hợp đồng xuất nhập khẩu toàn công ty. Hướng dẫn, chỉ đạo giúp đỡ, phối hợp với các phòng ban công ty, các đơn vị trực thuộc thực hiện tốt các nghiệp vụ kinh doanh có liên quan.

i. Phòng kinh doanh kho:

- Chịu trách nhiệm trước TGD về toàn bộ khách thuê kho, kinh doanh và khai thác kho của Công ty (Khu vực Mạc Thị Bưởi, Trâu Quỳ, Đông Anh, Hải Phòng)
- Quản lý hàng hóa, hoạt động nhập xuất tại các kho Trâu Quỳ, Đông Anh, Mạc Thị Bưởi
- Kiểm tra, thực hiện công tác kiểm soát chi phí hoạt động của kho, giám sát thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy, bảo vệ, vệ sinh, phòng chống lụt bão tại các kho.
- Quan hệ đối ngoại với công an khu vực, cán bộ phường, xã tại các khu vực kho.

j. Chi nhánh Kho vận và DVTM tại Bình Dương:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu kế hoạch được Công ty giao.
- Tìm kiếm thị trường, mở rộng mặt hàng kinh doanh trong và ngoài nước
- Xây dựng kế hoạch, phương án kinh doanh các mặt hàng dầu mỡ, dung môi, hoá chất và các sản phẩm khác có nguồn gốc từ dầu mỏ. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các lô hàng, các hợp đồng Công ty giao.

- Đôn đốc thu hồi công nợ và chịu trách nhiệm các khoản nợ của khách hàng mà Chi nhánh quản lý.
 - Quản lý, sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả theo đúng chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước và các quy định của Công ty.
 - Quản lý sử dụng lao động theo đúng Bộ Luật Lao động và quy định về phân cấp quản lý của Công ty, thực hiện chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên.
 - Làm tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ tài sản, bảo vệ môi trường, giữ vững trật tự trị an.
- k. Chi nhánh Công ty CP Kho vận và DVTM Hải Phòng II:
- Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu kế hoạch được Công ty giao
 - Kinh doanh các loại mặt hàng theo nhiệm vụ của Công ty mà Nhà nước không cấm
 - Kinh doanh kho bãi, nhà xưởng, cho thuê văn phòng.
 - Đại lý làm thủ tục hải quan, giao nhận vận tải, làm các dịch vụ hàng hải, môi giới thuê dàu, đại lý tàu biển
 - Quản lý, sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả, đúng chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước và các quy định của Công ty.
- l. Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại Hà Nội (*Tên cũ Công ty Cổ phần Dầu nhờn CNLube Việt Nam*):
- Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu kế hoạch được Công ty giao.
 - Kinh doanh dầu nhờn CNLube.
 - Quản lý, sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả, đúng chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước và các quy định của Công ty.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành:

Không có.

5.2. Công ty con, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:

Hiện tại Công ty có 01 Công ty con:

Tên công ty con	Ngày thành lập	Mã số ĐKDN	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại Hà Nội	03/11/2008	0102997947	473 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	100% (*)	Kinh doanh mặt bằng dầu mỡ, dung môi, hóa chất và đồ gỗ đồ Douussie
---	------------	------------	--	----------	---

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kho vận và dịch vụ thương mại)

(*) Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại Hà Nội (Tên cũ Công ty Cổ phần Dầu nhờn CNLube Việt Nam) có vốn điều lệ là 18,8 tỷ đồng. Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết được Công ty thỏa thuận với các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại Hà Nội, theo đó Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại được hưởng tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 100%

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Bảng 2. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

S T T	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
1	Khi thành lập (21/07/2005)	16.000.000.000			Sở kế hoạch đầu tur TP. Hà Nội
2	11/08/2008	18.080.000.000	2.080.000.000	- Trả cổ tức bằng số phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 12% - Phát hành cổ phiếu thường cho lao động xuất sắc: 16.000 cổ phiếu	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 ngày 26/04/2008 Sở kế hoạch đầu tur TP. Hà Nội
3	06/07/2010	23.504.000.000	5.424.000.000	Phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10:3	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 Sở kế hoạch đầu tur TP. Hà Nội
4	Năm 2021	36.000.000.000	12.496.000.000	- Chào bán cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 2:1	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

				- Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động: 74.400 cổ phiếu	thường niên năm 2020 Ủy ban chứng khoán nhà nước Sở kế hoạch đầu tư TP. Hà Nội
--	--	--	--	--	--

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kho vận và dịch vụ thương mại)

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Các khoản góp vốn, thoái vốn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổ chức phát hành tại thời điểm thực hiện: Không có.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông:

Thông tin cổ phần, cổ đông, cổ phiếu:

Tổng số cổ phần đã phát hành:	3.600.000 cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành:	Phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/cổ phần
Cổ phiếu quỹ:	0 cổ phần
Số lượng cổ phần đang lưu hành:	3.600.000 cổ phần
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phần
Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng:	0 cổ phần

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Trong nước	119	3.600.000	100 %
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	119	3.600.000	100 %
II	Nước ngoài	-	-	-
	Tổ chức	-	-	-
	Cá nhân	-	-	-

III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	119	3.600.000	100%
	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	-	-	-

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 21/03/2022 do VSD lập)

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 0 %
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: Không quy định.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại: 0 % (Theo danh sách cổ đông chốt ngày 21/03/2022)

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Sản phẩm/ dịch vụ chính:

10.1.1. Giới thiệu sản phẩm/dịch vụ chính

Hiện nay, Công ty có một số hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Giao nhận vận chuyển: Công ty kinh doanh dịch vụ giao nhận vận tải hàng hóa trong nước và quốc tế mà chủ yếu là làm Logistics
- Kho bãi: Công ty tiền thân là Cục Kho vận của Bộ thương mại cho nên hệ thống kho bãi kinh doanh hiện Công ty đang quản lý đều là những kho bãi đã hoạt động lâu năm, từ ngày là công ty nhà nước cho đến nay cho nên có rất nhiều thuận lợi về ưu đãi, kinh nghiệm.
- Kinh doanh thương mại: Công ty kinh doanh dầu mỡ, dung môi và hóa chất, kinh doanh lớp ô tô các loại,.... Công ty là nhà phân phối dầu nhớt PTT của tập đoàn dầu khí Thái Lan tại Việt Nam ngoài ra còn là nhà nhập khẩu các mặt hàng dầu hóa dẻo cao su lớn tại UAE và các nước khác.

✚ Dịch vụ giao nhận vận tải

VINATRANCO cung cấp đến khách hàng các dịch vụ:

- + Thủ tục hải quan, giao nhận, đại lý hải quan
- + Vận chuyển hàng trong nước, quốc tế bằng nhiều hình thức
- + Gom hàng lẻ, giao hàng tận nơi, đại lý phân phối
- **Vận chuyển đường không**

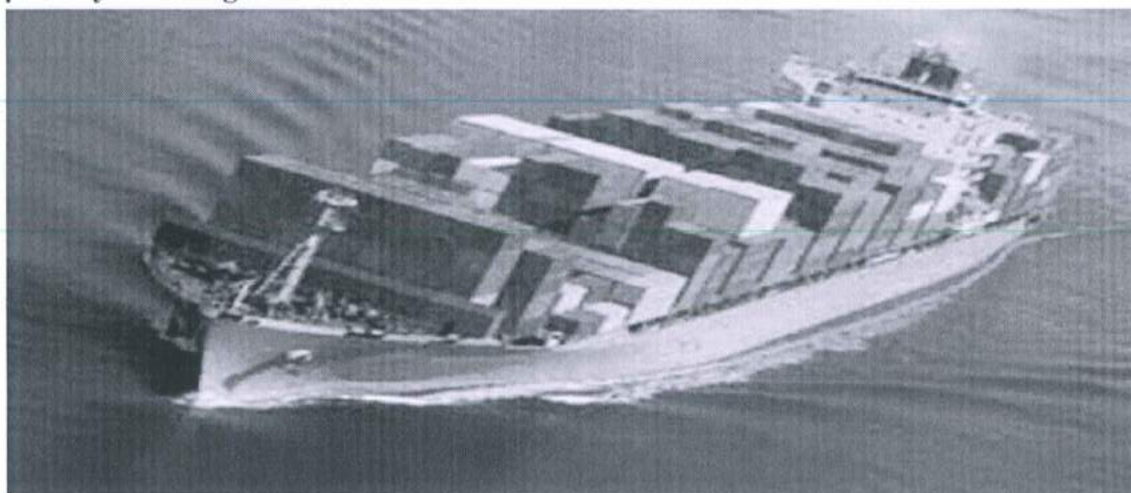


Vinatranco cung cấp dịch vụ vận tải bằng đường hàng không từ Việt Nam đến toàn thế giới và ngược lại cho mọi loại hàng hóa thông qua việc hợp tác với nhiều hãng hàng không lớn trên thế giới với tần suất bay cao, tải trọng lớn và bay đến hầu hết mọi sân bay. Vận chuyển đường không có nhiều dịch vụ đa dạng như: airport-airport, door-airport, airport-door, door-door với những ưu điểm sau:

Cung cấp các giải pháp tối ưu nhất và với chi phí thấp nhất để đáp ứng những nhu cầu khẩn cấp của khách hàng.

Vận chuyển đa phương thức kết hợp đường biển với đường hàng không, đường hàng không với đường hàng không giúp khách hàng vừa tiết giảm chi phí vừa có được dịch vụ vận chuyển nhanh nhất, hiệu quả nhất.

- **Vận chuyển đường biển**



Vinatranco cung cấp đầy đủ các dịch vụ vận chuyển đường biển cho khách hàng có hàng hóa đi và đến các cảng biển Việt Nam gồm có: hàng nguyên container FCL; hàng lẻ LCL; hàng siêu trường, siêu trọng; giao vận chuyển hàng với tất cả các điều kiện vận chuyển được quy định trong incoterm 2010; nhờ thu cước.

- **Vận chuyển đường bộ - logistics**



Dịch vụ logistics cho hàng xuất - nhập khẩu gồm có: Khai thuê Hải quan; thủ tục xuất nhập khẩu; giao nhận hàng triển lãm và công trình; giao hàng hóa tận nhà (door to door services); đóng gói bao bì hàng hóa; tư vấn xuất nhập khẩu; thủ tục chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa (C/O); bảo hiểm, hun trùng, kiểm văn hóa,...; Xuất/nhập khẩu ủy thác; đóng kiện các loại hàng hóa; hàng chuyển cảng (từ các cảng chính tại TP HCM – Hải Phòng – Đà Nẵng) đi các tỉnh; làm thủ tục cho hàng quá cảnh đi Cam-pu-chia, Lào, Trung Quốc và các nước trong khu vực.

Dịch vụ hàng hóa thiết bị XNK và nội địa bao gồm: Thực hiện các công việc giao nhận vận chuyển tập trung về kho, bảo quản, phân loại và tổ chức vận chuyển, bốc dỡ, giao nhận đến các địa điểm được yêu cầu, thu chi hộ cho chủ hàng ... thông qua hệ thống kho bãi đủ tiêu chuẩn và chương trình phần mềm quản lý theo yêu cầu của các công ty đa quốc gia.

Dịch vụ kho thường/kho quan ngại: Đại lý lưu kho và phân phối hàng hóa; Kinh doanh kho ngoại quan và dịch vụ giao nhận của kho ngoại quan

Dịch vụ vận chuyển: Vận chuyển container và hàng rời; Di dời văn phòng, nhà xưởng và tài sản cá nhân; Vận chuyển hàng quá cảnh Lào, Campuchia, Trung quốc

Dịch vụ quản lý hàng thế chấp cho các ngân hàng thương mại

✚ **Dịch vụ kho bãi**

Với nhiều năm kinh nghiệm, Vinatranco cung cấp các dịch vụ kho ngoại quan và toàn bộ các dịch vụ về kho chứa hàng cho khách hàng.

Hệ thống kho có diện tích lớn tại các khu vực:

Kho bãi	Vị trí	Diện tích
---------	--------	-----------

<p>Kho văn phòng của Công ty Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng</p>		<p>15.182,32 m² + 2.996,7 m²</p>
<p>Kho Đông Anh</p>		<p>15.279 m²</p>
<p>Kho Trâu Quy</p>		<p>7.195 m²</p>
<p>Kho chi nhánh CTCP Kho vận và DVTM Bình Dương</p>		<p>3.205,7 m²</p>
<p>Kho chi nhánh CTCP Kho vận và DVTM Hải Phòng II</p>		<p>3.635,79 m²</p>
<p>Kho Công ty TNHH một thành viên miền Bắc</p>		<p>2.845 m²</p>

Hệ thống kho bãi nằm gần các khu công nghiệp, khu chế xuất, gần điểm giao nối giữa các tuyến đường quan trọng.

Nằm tiếp giáp với cảng ở Cát Bà - Hải Phòng, rất thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu tại cảng.

Tọa lạc gần trung tâm công nghiệp Bình Dương, Vinatranco đã kết hợp giữa lợi thế vị trí thuận lợi cùng kinh nghiệm tích lũy trong nhiều năm qua nhằm mang đến cho khách hàng sự hài lòng cao

nhất và xây dựng Vinatranco trở thành một nhà cung ứng dịch vụ chuỗi cung ứng logistics hàng đầu.

✦ **Kinh doanh dầu mỡ**

Vinatranco là nhà phân phối chính thức các loại sản phẩm dầu PTT với 2 dòng sản phẩm là dầu cho phương tiện và dầu công nghiệp

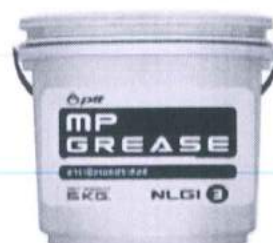
○ Dầu cho phương tiện

			
<p>Dầu nhớt cho động cơ Diesel tải trọng nặng</p>	<p>Dầu cho máy nông nghiệp</p>	<p>Dầu cho hộp truyền động</p>	<p>Dầu phanh và sản phẩm phụ trợ</p>

○ Dầu công nghiệp

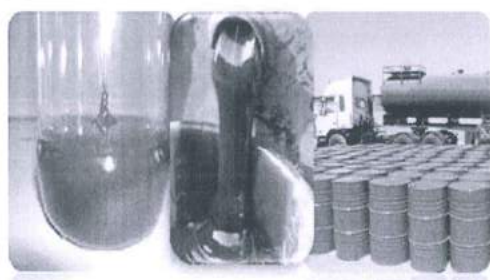


Dầu thủy lực



Mỡ bôi trơn

○ Dầu hóa dẻo cao su



Dầu cho cao su đen (RPO Sunrise)



Dầu cho cao su trắng và cao su màu

○ Dung môi công nghiệp



Dung môi cao su APF 80/100



Các sản phẩm dung môi chuyên dụng khác

Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của VXT diễn ra đều đặn và liên tục quanh năm và không có tính thời vụ cố định.

10.1.2. Sản lượng sản phẩm qua các năm của Công ty

Bảng 3. Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm - Công ty mẹ

Nhóm sản phẩm	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Dầu mỡ nhờn	111.901.996.678	85,84	124.748.631.886	87,27	166.350.596.202	88,53
Dịch vụ kho bãi	14.593.826.811	11,20	13.396.845.711	9,37	17.061.624.403	9,07
Dịch vụ giao nhận vận tải	3.864.240.075	2,96	4.859.513.346	3,36	4.708.300.703	2,4
Tổng cộng	130.360.063.564	100	142.945.194.711	100	188.120.521.308	100

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2020, 2021, BCTC riêng năm 2022)

Hoạt động kinh doanh chiếm phần lớn tổng doanh thu của Công ty mẹ là kinh doanh dầu nhờn, dung môi hóa dẻo, chủ yếu diễn ra tại khu vực Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý theo lĩnh vực kinh doanh.

Doanh thu được chia thành doanh thu từ bán hàng và doanh thu từ cung cấp dịch vụ, trong đó mảng bán hàng luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu của Công ty mẹ (trên 85% tổng doanh thu). Tuy nhiên năm bắt được nhu cầu của thị trường về các dịch vụ vận tải, kho bãi, những năm gần đây Công ty mẹ đang từng bước mở rộng, phát triển nhằm phát huy thế mạnh của mình trong lĩnh vực này.

Bảng 4. Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm – Hợp nhất

Nhóm sản phẩm	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Dầu mỡ nhờn	120.958.106.860	86,86	132.474.051.946	87,89	180.113.159.646	89,11
Dịch vụ kho bãi	14.593.826.811	10,49	13.396.845.711	8,89	17.061.624.403	8,44
Dịch vụ giao nhận vận tải	3.864.240.075	2,65	4.859.513.346	3,22	4.708.300.703	2,45
Tổng cộng	139.254.993.067	100	150.730.411.003	100	201.883.084.752	100

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC hợp nhất năm 2022)

Về cơ bản, trong năm 2021, công ty vẫn giữ nguyên quy mô, cơ cấu, tổ chức, nhân sự và ổn định trong mọi hoạt động của mình. Cơ cấu doanh thu của công ty tương đối đơn giản khi chỉ phân chia doanh thu là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các mảng dịch vụ cung cấp như cho thuê kho bãi, kinh doanh xấp lốp, dầu mỡ nhờn,..... Trong đó, doanh thu bán hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn trên tổng doanh thu hợp nhất bán hàng và cung cấp dịch vụ với tỷ trọng lần lượt là 86,86% (năm 2020) và 87,89% (năm 2021).

Bảng 5. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm – Công ty mẹ

Nhóm sản phẩm	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Dầu mỡ nhờn	3.534.000.000	31,42	1.848.000.000	28,67	75.530.310	1,13
Dịch vụ kho bãi	7.656.000.000	68,08	4.548.000.000	70,56	5.079.911.923	76
Dịch vụ giao nhận vận tải	55.933.283	0,5	49.600.943	0,77	1.528.652.455	22,87
Tổng cộng	11.245.933.283	100	6.445.600.943	100	6.684.094.688	100

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC riêng năm 2022)

Bảng 6. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm – Hợp nhất

Nhóm sản phẩm	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Dầu mỡ nhờn	3.534.000.000	31,42	1.848.000.000	28,67	75.530.310	1,13
Dịch vụ kho bãi	7.656.000.000	68,08	4.548.000.000	70,56	5.079.911.923	76
Dịch vụ giao nhận vận tải	55.933.283	0,5	49.600.943	0,77	1.528.652.455	22,87
Tổng cộng	11.245.933.283	100	6.445.600.943	100	6.684.094.688	100

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC hợp nhất năm 2022)

So với năm 2020, cơ cấu lợi nhuận gộp của công ty theo nhóm sản phẩm không có nhiều sự thay đổi. Trong đó, Nhóm sản phẩm Dịch vụ kho bãi chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng lợi nhuận gộp của công ty khi chiếm 68,08% trong năm 2020 và 70,56 % trong năm 2021.

10.2. Tài sản

Bảng 7. Danh sách giá trị tài sản Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	43.184.143.772	11.868.151.112	31.315.992.660
Nhà cửa, vật kiến trúc	35.119.296.579	6.884.449.472	28.234.847.107
Phương tiện vận tải	5.405.185.456	3.243.150.009	2.162.035.447
Máy móc, thiết bị	1.562.062.810	1.508.150.928	53.911.882
Thiết bị, dụng cụ quản lý	569.592.941	124.386.594	445.206.347
Tài sản cố định hữu hình khác	528.005.986	108.014.110	419.991.876
Tài sản cố định vô hình	7.842.479.900	237.000.000	7.605.479.900
Quyền sử dụng đất	7.605.479.900	-	7.605.479.900
Phần mềm máy tính	237.000.000	237.000.000	-
Tổng cộng	51.026.623.672	12.105.151.112	38.921.472.660

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021 đã được kiểm toán)

Bảng 8. Danh sách giá trị tài sản Công ty hợp nháp tại thời điểm 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	44.710.548.772	12.198.619.481	32.511.929.291
Nhà cửa, vật kiến trúc	35.119.296.579	6.884.449.472	28.234.847.107
Phương tiện vận tải	6.931.590.456	3.573.618.378	3.357.972.078
Máy móc, thiết bị	1.562.062.810	1.508.150.928	53.911.882
Thiết bị, dụng cụ quản lý	569.592.941	124.386.594	445.206.347
Tài sản cố định hữu hình khác	528.005.986	108.014.110	419.991.876
Tài sản cố định vô hình	7.842.479.900	237.000.000	7.605.479.900
Quyền sử dụng đất	7.605.479.900	-	7.605.479.900
Phần mềm máy tính	237.000.000	237.000.000	-
Tổng cộng	52.553.028.672	12.435.619.481	40.117.409.191

(Nguồn: BCTC hợp nháp năm 2021 đã được kiểm toán)

Bảng 9. Danh sách giá trị tài sản Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2022

Đơn vị tính: Đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	31.975.040.932	14.003.873.011	17.971.167.921
Nhà cửa, vật kiến trúc	19.052.176.157	7.850.197.766	11.201.978.391
Phương tiện vận tải	9.708.185.456	4.242.960.647	5.465.224.809
Máy móc, thiết bị	2.083.753.192	1.540.291.845	543.461.347
Thiết bị, dụng cụ quản lý	569.592.941	176.913.738	392.679.203
Tài sản cố định hữu hình khác	561.333.186	193.509.015	367.824.171
Tài sản cố định vô hình	7.842.479.900	237.000.000	7.605.479.900
Quyền sử dụng đất	7.605.479.900	-	7.605.479.900
Phần mềm máy tính	237.000.000	237.000.000	-
Tổng cộng	39.817.520.832	14.240.873.011	25.576.647.821

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 CTCP Kho vận và DVTM)

Bảng 10. Danh sách giá trị tài sản Công ty hợp nhất tại thời điểm 31/12/2022

Đơn vị tính: Đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	33.501.445.932	14.003.873.011	18.912.703.724
Nhà cửa, vật kiến trúc	19.052.176.157	7.850.197.766	11.201.978.391
Phương tiện vận tải	11.234.590.456	4.827.829.844	6.406.760.612
Máy móc, thiết bị	2.083.753.192	1.540.291.845	543.461.347
Thiết bị, dụng cụ quản lý	569.592.941	176.913.738	392.679.203
Tài sản cố định hữu hình khác	561.333.186	193.509.015	367.824.171
Tài sản cố định vô hình	7.842.479.900	237.000.000	7.605.479.900
Quyền sử dụng đất	7.605.479.900	-	7.605.479.900
Phần mềm máy tính	237.000.000	237.000.000	-
Tổng cộng	39.817.520.832	14.240.873.011	25.576.647.821

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 CTCP Kho vận và DVTM)

10.3. Thị trường hoạt động

Toàn bộ hoạt động của Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam:

Bảng 11. Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ theo thị trường hoạt động

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		31/12/2022	
	Giá trị (đồng)	% Doanh thu	Giá trị (đồng)	% Doanh thu	Giá trị (đồng)	% Doanh thu
Trong nước	130.360.063.564	100%	143.004.990.943	100%	188.319.351.552	100%
Nước ngoài	-	-	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC riêng năm 2022)

Bảng 12. Cơ cấu lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ theo thị trường hoạt động

Chi tiêu	Năm 2020		Năm 2021		31/12/2022	
	Giá trị (đồng)	% Lợi nhuận	Giá trị (đồng)	% Lợi nhuận	Giá trị (đồng)	% Lợi nhuận
Trong nước	9.659.868.623	100%	5.543.216.881	100%	6.684.094.688	100%
Nước ngoài	-	-	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC riêng năm 2022)

Bảng 13. Cơ cấu doanh thu Hợp nhất theo thị trường hoạt động

Chi tiêu	Năm 2020		Năm 2021		31/12/2022	
	Giá trị (đồng)	% Doanh thu	Giá trị (đồng)	% Doanh thu	Giá trị (đồng)	% Doanh thu
Trong nước	139.416.173.746	100%	150.730.411.003	100%	202,162,538,729	100%
Nước ngoài	-	-	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC hợp nhất năm 2022)

Bảng 14. Cơ cấu lợi nhuận sau thuế Hợp nhất theo thị trường hoạt động

Chi tiêu	Năm 2020		Năm 2021		31/12/2022	
	Giá trị (đồng)	% Lợi nhuận	Giá trị (đồng)	% Lợi nhuận	Giá trị (đồng)	% Lợi nhuận
Trong nước	9.659.868.623	100%	5.543.216.881	100%	6.684.094.688	100%
Nước ngoài	-	-	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC hợp nhất năm 2022)

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính: Không có

10.5. Các hợp đồng lớn

Bảng 15. Các hợp đồng lớn đã được thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện

STT	Đối tác	Tên hợp đồng/ Số hợp đồng	Sản phẩm/ Dịch vụ đầu vào, đầu ra	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị HĐ (triệu VND)	Mối quan hệ (*)	Các điều khoản quan trọng
1.	Công ty TNHH cao su INOUE Việt Nam	IRV-PUR-2021-0020	Dầu hóa dẻo cao su	01/08/2021	1 năm	Nghiệm thu từng lần theo thực tế	Khách hàng	HĐ nguyên tắc mua bán dầu hóa dẻo cao su
2.	Công ty TNHH SX TM DV RPS	16/KV-RPS/2022	Dầu hóa dẻo cao su	01/01/2022	1 năm	Nghiệm thu từng lần theo thực tế	Khách hàng	HĐ nguyên tắc mua bán dầu hóa dẻo cao su
3.	Công ty TNHH sản xuất thương mại Thành Danh	05/KV-DN/2022	Dầu hóa dẻo cao su	03/01/2022	1 năm	Nghiệm thu từng lần theo thực tế	Khách hàng	HĐ nguyên tắc mua bán dầu hóa dẻo cao su
4.	Công ty TNHH công nghiệp chính xác Việt Nam 1	220124/VNT-VPIC1	Dầu nhớt	24/01/2022	1 năm	Nghiệm thu từng lần theo thực tế	Khách hàng	HĐ nguyên tắc mua bán dầu nhớt
5.	Công ty CP cao su Sao Vàng	31/CSSV-Vina	Dầu hóa dẻo cao su	01/03/2022	1 năm	Nghiệm thu từng lần theo thực tế	Khách hàng	HĐ nguyên tắc mua bán dầu hóa dẻo cao su

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 16. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

STT	Khách hàng, nhà cung cấp lớn	Sản phẩm/dịch vụ cung cấp	Thời gian giao dịch	Giá trị giao dịch (triệu VNĐ)	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Mối quan hệ (*)
1	Công ty TNHH cao su INOUE Việt Nam	Dầu hóa dẻo cao su	01/08/2021	Nghiem thu từng lần theo thực tế	N/A	Khách hàng
2	Công ty TNHH SX TM DV RPS	Dầu hóa dẻo cao su	01/01/2022	Nghiem thu từng lần theo thực tế	N/A	Khách hàng
3	Công ty TNHH sản xuất thương mại Thành Danh	Dầu hóa dẻo cao su	03/01/2022	Nghiem thu từng lần theo thực tế	N/A	Khách hàng
4	Công ty TNHH công nghiệp chính xác Việt Nam 1	Dầu nhớt	24/01/2022	Nghiem thu từng lần theo thực tế	N/A	Khách hàng
5	Công ty CP cao su Sao Vàng	Dầu hóa dẻo cao su	01/03/2022	Nghiem thu từng lần theo thực tế	N/A	Khách hàng

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

(*) Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, có đóng lớn của Tổ chức phát hành.

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại (tên viết tắt là Vinatranco) tiền thân là Công ty Kho vận và Dịch vụ thương mại- một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại được thành lập năm 1981. Thực hiện chính sách đổi mới và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, ngày 5/11/2004 Bộ Thương Mại ký quyết định số 1632/QĐ-BTM ngày 5/11/2004 chuyển thành công ty CP kho vận và dịch vụ thương mại – Vinatranco. Công ty có hệ thống kho bãi, nhà xưởng, các chi nhánh, các Công ty trực thuộc tại Hà Nội, Hải Phòng, Bình Dương, TP Hồ Chí Minh. Lĩnh vực hoạt động của Vinatranco là giao nhận vận chuyển, kho bãi, kinh doanh.

Trong các doanh nghiệp cùng ngành nghề, Vinatranco là một trong số ít các công ty có đầy đủ các dịch vụ nhằm cung ứng cho khách hàng một dịch vụ trọn gói từ khâu sản xuất cho đến khi sản phẩm đến tay người tiêu dùng, là một trong những đơn vị có hệ thống kho bãi lớn tại Hà Nội, Hải Phòng, Bình Dương. Với kinh nghiệm hơn 35 năm hoạt động, Vinatranco là thương hiệu uy tín và được nhiều khách hàng lựa chọn. Vinatranco đã không ngừng nâng cao năng lực sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Triển vọng phát triển của ngành

- ❖ Trong thời đại công nghệ 4.0, ngành logistics đang phát triển mạnh mẽ với những thay đổi vượt bậc.

Hơn ba thập kỷ qua, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng mạnh nhờ sự đóng góp không nhỏ của việc mở cửa thị trường thương mại và đầu tư quốc tế. Trong đó, ngành logistics là một trong những động lực thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế. Lĩnh vực cũng nhận được nhiều ưu tiên phát triển từ Chính phủ và nhiều đơn vị, hiệp hội chuyên ngành. Hiện nay, Việt Nam là một trong những nền kinh tế mở nhất thế giới với nhiều thuận lợi về vị trí địa lý, ổn định chính trị, xã hội và sự nhất quán của pháp luật về thương mại. Đây được coi là cơ sở tự nhiên cho các nhà sản xuất cung cấp cho chuỗi cung ứng toàn cầu. Nhằm đẩy mạnh phát triển, thu hẹp khoảng cách nội bộ và tăng cường khả năng cạnh tranh trong khu vực, Chính phủ quy hoạch xây dựng và đưa vào vận hành các trung tâm logistics, các khu công nghiệp logistics, cụm logistics; nâng cấp hệ thống hạ tầng giao thông.

Nền kinh tế Việt Nam vừa trải qua giai đoạn đầy khó khăn và thử thách do các đợt bùng phát COVID-19 bằng sự chung tay, đồng lòng và quyết tâm cao độ của toàn thể bộ máy Chính trị - Kinh tế - Xã hội. Xuyên suốt chặng đường chống dịch vừa qua, cũng như chặng đường phục hồi kinh tế sắp tới, không thể không kể tới vai trò trọng yếu của ngành logistics – huyết mạch của nền kinh tế. Các doanh nghiệp trong ngành đã nỗ lực không ngừng giúp dòng lưu chuyển hàng hóa được thông suốt, giảm thiểu tác động của đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, nâng tầm năng lực cạnh tranh quốc gia và doanh nghiệp Việt trên đấu trường khu vực và quốc tế.

Báo cáo Chỉ số Logistics thị trường mới nổi năm 2021 của Agility cho thấy, Việt Nam đã tăng 3 bậc xếp hạng so với năm 2020, đứng ở vị trí thứ 8 trong top 10 quốc gia đứng đầu. Đánh giá về định vị thương hiệu logistics trên bản đồ thế giới, ở góc độ vĩ mô, vị thế logistics quốc gia đã cải thiện khá tốt. với vị trí xếp thứ 8 trong top 10 quốc gia đứng đầu về chỉ số logistics thị trường mới nổi, Việt Nam đã tăng ba bậc so với năm 2020

Mục tiêu đến năm 2025, chỉ số LPI Việt Nam tăng từ 5-10 bậc, hàng loạt nhiệm vụ về nâng cấp hạ tầng logistics, tăng cường ứng dụng công nghệ, nâng cao hiệu quả thông quan... được Bộ Công Thương trực tiếp chỉ đạo.

❖ Với ngành dầu mỡ bôi trơn

Nhu cầu về chất bôi trơn công nghiệp cao cấp ở Châu Á sẽ tiếp tục tăng, vì các quy định và công nghệ thông minh – như robot và trí tuệ nhân tạo – sẽ thay đổi bộ mặt của ngành sản xuất. Các nhà sản xuất trong khu vực sẽ tìm cách tối ưu hóa hoạt động của họ và giảm thiểu phí bảo trì, sản phẩm cho dầu công nghiệp trên thị trường được định hình lại. Dầu nhớt cao cấp với ứng dụng chuyên biệt có thể giúp đạt được những mục tiêu tương lai.

Cụ thể hơn, thị trường dầu nhớt công nghiệp của Ấn Độ đang tăng trưởng với tốc độ 3% đến 3,5% hàng năm, chủ yếu là do việc xây dựng mở rộng xảy ra trên khắp đất nước với các dự án cơ sở hạ tầng – khiến nhu cầu tăng vọt.

Với quy mô khá lớn, tốc độ phát triển ổn định, kết hợp với sự thúc đẩy từ chính sách của nhà nước, ngành kho vận, kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu tại Việt Nam sẽ có nhiều triển vọng phát triển trong tương lai.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.

• **Định hướng phát triển của Công ty:**

Mục tiêu

Công ty cổ phần Kho vận và dịch vụ thương mại với bề dày truyền thống và uy tín đã được khẳng định trên thị trường, Công ty đề ra mục tiêu thực hiện các nội dung sau:

- Mục tiêu kế hoạch trong tương lai sẽ đưa Công ty Kho vận và dịch vụ thương mại trở thành một đơn vị uy tín trong lĩnh vực kho vận, vận chuyển, cũng như kinh doanh thương mại các mặt hàng Dầu mỡ, hóa chất. Cung cấp nhiều hơn nữa những mặt hàng đến với các đơn vị trên toàn quốc.
- Xây dựng và phát triển để trở thành doanh nghiệp mạnh trong kho bãi cũng như dịch vụ vận tải.
- Nâng cao năng lực, tăng khả năng cạnh tranh của Công ty cổ phần, đưa Công ty cổ phần phát triển bền vững.
- Đa dạng hóa hình thức kinh doanh các mặt hàng xăng dầu, dầu mỡ. Nâng cao thị phần cung ứng cho các xí nghiệp, nhà máy, tập trung tăng cường tổ chức và sử dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có đồng thời tìm cách huy động nguồn vốn bên ngoài một cách hợp pháp để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư.
- Củng cố vị trí và mở rộng địa bàn hoạt động trên cả nước, liên doanh, liên kết với các chủ đầu tư nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, tạo điều kiện phát triển chuyên môn hóa một cách có hiệu quả, khai thác được thế mạnh, khắc phục mặt yếu trong quá trình thực hiện triển khai các dự án.
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực sẵn có và có chính sách thu hút nguồn nhân lực bên ngoài để đáp ứng yêu cầu trong sản xuất kinh doanh.

Chiến lược phát triển

- Chiến lược phát triển của Công ty dựa trên nguồn lực con người là khâu then chốt, quản trị doanh nghiệp là khâu trọng yếu và phát huy văn hóa doanh nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên. Công ty thực hiện kiện toàn, sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành từ cơ quan Công ty đến các đơn vị trực thuộc, theo định hướng cụ thể như sau:
 - ⚡ Công ty sẽ thực hiện chức năng chủ yếu là ký kết các hợp đồng, quản lý và triển khai các hợp đồng đã ký, huy động nguồn lực từ nhiều đơn vị; đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp, định hướng hoạt động đầu tư, kiểm tra giám sát việc sử dụng và phát triển nguồn vốn của Công ty tại các đơn vị.
 - ⚡ Thực hiện tối ưu hóa các chi phí sản xuất cũng như nâng cao hiệu suất hoạt động của các kho bãi, các đơn vị trực thuộc. thực hiện mở rộng thêm nữa những kho bãi trên toàn quốc, tạo điều kiện cho lưu thông trên khắp đất nước.
 - ⚡ Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh công tác quản lý, điều hành và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong cùng Công ty. Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy chế quản lý, xác lập mối quan hệ theo chiều dọc, điều hành thống nhất từ trên xuống dưới (giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc).
 - ⚡ Xây dựng một cơ chế hợp lý để khuyến khích các đơn vị trực thuộc sản xuất năng động hơn, chủ động hơn trong công tác tìm kiếm việc làm.

Một số biện pháp triển khai cơ bản:**- Về tổ chức bộ máy, nhân sự:**

Tăng cường công tác tuyển dụng thêm lao động phục vụ cho các hoạt động kinh doanh, mở rộng thị phần dầu mỡ ra các tỉnh miền trung và miền nam. Bồi dưỡng thêm các cán bộ quản lý, tăng cường công tác quản lý và đào tạo trình độ cho các cán bộ.

- Về đầu tư cơ sở vật chất:

Nghiên cứu quy hoạch tổng thể xây dựng thêm các kho chứa ở các địa bàn tỉnh, cải tạo và mở rộng một số kho chứa hiện có của Công ty nhằm gia tăng chất lượng phục vụ. Thực hiện hoàn thiện các dự án chuyển nhượng các khu đất cho các đối tác. Đầu tư thêm nhiều cơ sở vật chất cho các kho chứa, cải thiện tình hình lưu trữ kho. Đầu tư thêm các phương tiện lưu thông. Cải thiện việc vận chuyển hàng hóa tốt nhất.

- Về công tác kinh doanh thương mại:

- ⚡ Chấm dứt mảng kinh doanh lốp tại văn phòng công ty.
- ⚡ Tập trung vào mảng kinh doanh dầu mỡ nhờn. Thực hiện mở rộng lĩnh vực kinh doanh, nhắm tới phục vụ các khách hàng trực tiếp như các công ty Giấy, cao su, nhựa, vận tải, cơ khí, tàu cá. Mở thêm các kênh phân phối mới qua các kênh đại lý tỉnh.
- ⚡ Thực hiện hỗ trợ tối đa cho các chi nhánh tại các tỉnh, nâng cao sự tương tác giữa các chi nhánh và văn phòng. Tổ chức thường xuyên các buổi lãnh đạo công ty trực tiếp cùng các phòng, các đơn vị thăm thường xuyên khách hàng.

- Về công tác đầu tư

Là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực kho vận và chuyên cung cấp các dịch vụ thương mại cho các doanh nghiệp, xí nghiệp, các sản phẩm của Công Ty luôn phải đảm bảo phù hợp và chất lượng nhất đối với các doanh nghiệp. Để có sản phẩm đạt chất lượng ngoài yếu tố con người thì trang thiết bị máy móc nhà xưởng cũng như các khâu vận chuyển là vô cùng quan trọng và thiết yếu. Với nhận thức sâu sắc đó, Công ty sẽ chú trọng công tác đầu tư trang thiết bị máy đồng bộ hiện đại, nhà xưởng đạt đủ tiêu chuẩn phù hợp với tình hình công việc trong từng giai đoạn cụ thể; thực hiện mở rộng hơn nữa các chi nhánh, kho bãi để đảm bảo có thể đạt được mục tiêu gia tăng thị phần, đem thương hiệu công ty phủ sóng toàn nước.

- **Về phát huy tinh thần đoàn kết nội bộ**

Tiếp tục đẩy mạnh và nêu cao tinh thần đoàn kết tương thân tương ái của người Công nhân đường sắt để tạo sức mạnh, vượt mọi khó khăn xây dựng Công ty ngày càng ổn định và phát triển.

• **Đánh giá về sự phù hợp:**

Với triển vọng phát triển vượt trội về các ngành mà Vinatranco đang cung cấp cùng với định hướng phát triển bền vững của Công ty có thể thấy Vinatranco có cơ hội phát triển bền vững nhờ vào

- + Hệ thống kho bãi cảng lớn và tọa lạc tại các vị trí quan trọng, thuận lợi giao thương.
- + Vinatranco luôn đi đầu trong các hoạt động giao nhận vận tải quốc tế và logistics.
- + Nguồn nhân lực chất lượng cao, có kinh nghiệm và được đào tạo bài bản
- + Thương hiệu Vinatranco có uy tín lớn trong lĩnh vực hoạt động của mình.

10.8. Hoạt động Marketing

Bộ phận marketing của Công ty có chức năng quản lý, tham mưu, giúp cho Ban Tổng giám đốc trong việc định hướng về thị trường mục tiêu, phân khúc thị trường và định vị sản phẩm, hoạch định chiến lược marketing phục vụ chiến lược kinh doanh cho toàn công ty.

Nhiệm vụ cụ thể:

- Nghiên cứu môi trường kinh doanh, phân tích cơ hội kinh doanh và đối thủ cạnh tranh.
- Xây dựng và phát triển thương hiệu.
- Xây dựng và phát triển các hoạt động quan hệ công chúng (PR)
- Định hướng chiến lược Sales - Marketing trong từng giai đoạn phù hợp với diễn biến thị trường.
- Tổ chức các hoạt động marketing, hội nghị, hội thảo, chương trình đào tạo, đề xuất và tham gia các hội chợ trong và ngoài nước.
- Xây dựng các chương trình khuyến mại
- Nghiên cứu nhu cầu khách hàng, xây dựng sản phẩm dịch vụ mới có yếu tố riêng biệt nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường và đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao hơn
- Xây dựng phát triển hệ thống thông tin và website Công ty.

Chiến lược Marketing và truyền thông thương hiệu:

- Sản phẩm: Chú trọng nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm dịch vụ do Vinatranco cung ứng. Phát triển thêm sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.
- Giá cả: Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, bên cạnh đó Công ty luôn tối ưu hóa chi phí, đảm bảo cung cấp cho khách hàng dịch vụ với mức giá hợp lý, cạnh tranh.
- Phân phối: Hệ thống phân phối ngày càng được mở rộng, luôn bên cạnh khách hàng, làm cho khách hàng luôn cảm thấy hài lòng, thuận tiện và dễ dàng.
- Thường xuyên thực hiện các chương trình marketing như tặng áo và các chương trình khác nhằm phát triển thị trường bán hàng... Thực hiện quảng bá thương hiệu Vinatranco trên các báo, tạp chí chuyên ngành, quảng bá trực tuyến trên các website.
- Con người: Công ty tự hào với đội ngũ Cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp, không ngừng nâng cao trình độ cán bộ công nhân viên hơn nữa thông qua các chương trình đào tạo.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại



- Logo:

Biểu tượng logo hình cầu elip màu xanh trên nền trắng, ở giữa có chữ Vinatranco màu đỏ, chữ V cách điệu hình chim lạc cổ.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Công ty thường xuyên quan tâm đầu tư và thực hiện công tác nghiên cứu sản phẩm mới có chất lượng cao, có tính năng sử dụng phù hợp với nhu cầu của thị trường, của khách hàng.

Chiến lược nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty tập trung vào các mục tiêu lớn:

- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng Quốc gia, Quốc tế và được đăng ký, công bố với khách hàng.
- Sản phẩm có chất lượng cao tương đương với các hãng dầu nhớt quốc tế và thay thế hàng nhập ngoại.
- Mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm.

Trong những năm qua, Công ty thường xuyên cho nhân viên đi nghiên cứu nhu cầu khách hàng để phát triển thị trường, xem nhu cầu để mở các sản phẩm dầu mới.

10.11. Chiến lược kinh doanh

Tầm nhìn:

Công ty CP kho vận và Dịch vụ thương mại (VINATRANCO) phấn đấu xây dựng một thương hiệu uy tín, lớn mạnh tại thị trường Việt Nam và trở thành một Công ty Đại chúng niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam được nhiều nhà đầu tư quan tâm. Vinatranco đầu tư tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh truyền thống và cốt lõi là thế mạnh của Công ty.

Vinatranco hiểu rằng để xây dựng một thương hiệu uy tín đủ sức cạnh tranh trên thị trường thì ngoài chất lượng sản phẩm, giá cả và dịch vụ bán hàng là rất quan trọng. Vinatranco cần tập trung nguồn lực để quản trị chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt, chúng tôi luôn có một đội ngũ nhân viên hỗ trợ kỹ thuật tận tụy, luôn sẵn sàng phục vụ khi có yêu cầu. Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn, không ngừng nỗ lực nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của toàn thể nhân viên. Vinatranco luôn chú trọng đóng góp tích cực vào các hoạt động hướng về cộng đồng, hài hòa lợi ích công ty với lợi ích xã hội.

Đạt được sự tin nhiệm của khách hàng và các đối tác kinh doanh chính là nhân tố quan trọng góp phần vào sự thành công của VINATRANCO.

Không chỉ đem những điều tốt đẹp đến cho khách hàng, Vinatranco còn tạo ra nhiều cơ hội thành công cho đội ngũ nhân viên của mình. Hiểu rõ khát khao vươn lên của từng cá nhân đầu để tạo ra môi trường thuận lợi cho các thành viên của mình có điều kiện phát huy hết tài năng, đồng thời biết đóng góp những việc làm có ích cho con người và xã hội

Sứ mệnh:

Vinatranco hiểu rằng để xây dựng một thương hiệu uy tín đủ sức cạnh tranh trên thị trường thì ngoài chất lượng sản phẩm, giá cả và dịch vụ bán hàng là rất quan trọng. Vinatranco cần tập trung nguồn lực để quản trị chất lượng sản phẩm, dịch vụ tốt, chúng tôi luôn có một đội ngũ nhân viên hỗ trợ kỹ thuật tận tụy, luôn sẵn sàng phục vụ khi có yêu cầu. Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn, không ngừng nỗ lực nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của toàn thể nhân viên. Vinatranco đóng góp tích cực vào các hoạt động hướng về cộng đồng, hài hòa lợi ích công ty và lợi ích xã hội.

Giá trị cốt lõi:

Chính trực: Xây dựng niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư và đối tác làm việc, hợp tác với trên thị trường Việt Nam và Quốc tế.

Hướng đến sự hoàn hảo: hướng đến sự tăng trưởng ổn định tăng thị phần và đẩy mạnh hoạt động phát triển thị trường, đồng thời tiếp tục ưu tiên công tác quản trị rủi ro và an toàn tài chính.

Liên tục đổi mới: Liên tục phát triển và hoàn thiện từ thực tiễn, nâng cao kiến thức chuyên môn và không ngừng phát triển các quy trình nghiệp vụ nhằm đem đến cho khách hàng lợi ích cao nhất.

Hợp tác: cung cấp đầy đủ tất cả các dịch vụ vận tải, kho vận và đầu mỡ nhòm cho đối tác riêng lẻ cũng như các tổ chức. Khách hàng mục tiêu của chúng tôi bao gồm các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp thương mại, sản xuất lớn hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau như sản xuất, xây dựng, bất động sản, năng lượng

Chiến lược phát triển:

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty cổ phần Kho vận và DVTM là trở thành một trong những Công ty hàng đầu và chuyên nghiệp trong các lĩnh vực đầu tư, thương mại và dịch vụ, khẳng định được vị thế thị trường trong nước và quốc tế.

Dựa trên nguyên tắc phát triển An toàn - Linh hoạt - Hiệu quả, định hướng phát triển của chúng tôi gồm:

- Tận dụng triệt để mọi khả năng, thế mạnh của công ty cả về cơ sở vật chất, kinh nghiệm truyền thống, hàng hóa, lực lượng lao động. sự ủng hộ của các cổ đông để ổn định và không ngừng phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Về kinh doanh thương mại tạo mọi điều kiện tốt nhất để Ban điều hành triển khai các kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đã đề ra, đẩy mạnh tìm kiếm các cơ hội đầu tư và hợp tác kinh doanh trên nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn vốn của Công ty. Giữ vững sự uy tín và đáng tin cậy với khách
- Mạnh dạn đầu tư kho bãi nhà xưởng hiện có, cơ sở vật chất để tăng cường tình chủ động trong việc mở rộng lĩnh vực, thị trường kinh doanh.
- Tiếp tục đổi mới hoàn thiện xây dựng các quy chế trong quản lý, điều hành, tạo mới trường công tâm minh bạch, người lao động phấn khởi tin tưởng, ủng hộ đội ngũ lãnh đạo, quản lý, xây dựng quy chế làm việc và thu nhập hợp lý, công bằng nhằm phát huy tối đa mọi khả năng, đóng góp của người lao động.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo niềm tin, sự đoàn kết cởi mở chia sẻ trong công việc, trong chỉ đạo lãnh đạo mọi hoạt động của Công ty. Xây dựng đội ngũ lãnh đạo quản lý có năng lực, phẩm chất tốt, tự tin, chủ động, linh hoạt sáng tạo trong công việc, đặt quyền lợi của công ty, của tập thể lên trên.
- Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc để Vinatranco luôn là môi trường hấp dẫn và nâng cao sức lao động sáng tạo, cống hiến, gắn bó của người lao động với Công ty. Tạo điều kiện làm việc tốt nhất kết hợp với việc đào tạo nội bộ và bên ngoài để nâng cao kỹ năng làm việc và phát triển toàn diện mỗi cá nhân người lao động.

10.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật liên quan

Không có.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng lao động và cơ cấu lao động

- Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Đội ngũ nhân sự của VINATRANCO trẻ, năng động, giàu lòng nhiệt huyết, có năng lực chuyên môn tốt.
- Tính đến thời điểm 31/12/2022, tổng số lao động trong Công ty là 57 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Bảng 17. Tình hình lao động trong công ty

STT	Tiêu chí	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
1	Theo trình độ lao động	64	57	57
1.1	Trình độ Đại học và trên Đại học	35	32	32
1.2	Trình độ cao đẳng chung cấp chuyên nghiệp	11	9	9
1.3	Lao động phổ thông	18	16	16
2	Theo giới tính	64	57	57
2.1	Nam	47	44	44
2.2	Nữ	17	13	13
3	Theo thời vụ	64	57	57
2.1	Lao động thường xuyên	50	45	45
2.2	Lao động thời vụ	14	12	12
Tổng cộng		64	57	57

Nguồn: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại

11.2. Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả đòi hỏi lực lượng lao động giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, đội ngũ quản lý năng động, sáng tạo. Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại, tuyển dụng lao động căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý có đủ năng lực, trình độ chuyên môn để đáp ứng được yêu cầu công việc đảm nhận.

Sắp xếp, tinh giản lại nhân sự các phòng ban theo hướng gọn nhẹ

- Chính sách lương thưởng và phúc lợi

Công ty đã và tiếp tục cải thiện chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những lao động có năng lực quản lý và tay nghề cao có nhiều cải tiến trong sản xuất mang lại lợi ích cho Công ty.

Ngoài chế độ tiền lương Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch, tạo cho người lao động yên tâm để gắn bó và làm việc hết mình cho doanh nghiệp.

11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Hàng năm, căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đánh giá sự đóng góp của người lao động trong công ty đối với kết quả này, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua phương án phát hành cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty đảm bảo thực hiện theo quy định của luật hiện hành (Nếu có).

12. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất. Việc xác định mức cổ tức chi trả từ lợi nhuận giữ lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng không vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

Tình hình chi trả cổ tức của Công ty các năm qua

Bảng 18. Tỷ lệ chi trả cổ tức 2 năm gần nhất của Công ty

Năm	Tỷ lệ cổ tức được ĐHĐCĐ thông qua	Hình thức
2020 (đã chi trả)	- Trả bằng tiền 13 %	Bằng tiền
2021 (ĐHĐCĐ thường niên 2022 thông qua)	- Trả bằng tiền 11 % - Trả bằng cổ phiếu: 17%	Bằng tiền Bằng cổ phiếu

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 16/06/2020 của Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại và Nghị quyết HĐQT số 099/2020/NQ-HĐQT/KV ngày 31/08/2020 về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án sử

dụng vốn chi tiết từ đợt chào bán của Công ty, VXT đã thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng số 320/GCN-UBCK ngày 18/12/2020. Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu mới để tăng vốn điều lệ vào ngày 03/03/2021 với tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 12.496.000.000 đồng, số tiền này được sử dụng như sau:

STT	Nội dung	Số tiền
1	Trả nợ ngân hàng	10.000.000.000 đồng
2	Bổ sung cho vốn kinh doanh	2.496.000.000 đồng
Tổng cộng		12.496.000.000 đồng

Căn cứ báo cáo tình hình sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 23.504.000.000 lên 36.000.000.000 đã được kiểm toán. Kết thúc đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 23.504.000.000 lên 36.000.000.000 số tiền thu về là: 12.496.000.000 đồng, số tiền trên tính đến thời điểm ngày 31/12/2021 sử dụng như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Trả nợ vay ngân hàng	10.000.000.000
2	Bổ sung vốn cho kinh doanh	2.465.341.851
	<i>Trong đó:</i>	
	+ Chi phí giao nhận hàng hóa	15.263.136
	+ Tiền bảo hiểm hàng hóa	12.576.409
	+ Tiền trả mua hàng hóa	2.437.502.306
Tổng cộng		12.465.341.851

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Phần tiền bổ sung vốn kinh doanh chưa sử dụng còn dư tại tài khoản tiền gửi ngân hàng. Công ty sẽ tiếp tục sử dụng bổ sung nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Tính đến 31/03/2022: Công ty đã sử dụng hết toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành:

Cho đến ngày phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành **không có** những cam kết nhưng chưa thực hiện.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Cho đến ngày phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành **không có** các nghĩa vụ nợ tiềm tàng, tranh chấp, kiện tụng nào đang diễn ra có thể ảnh hưởng đến (i) hoạt động kinh doanh, (ii) tình hình tài chính, (iii) đợt chào bán hoặc (iv) phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH**1. Kết quả hoạt động kinh doanh****1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất****Bảng 19. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh công ty mẹ**

Chỉ tiêu	Năm 2020 (đồng)	Năm 2021 (đồng)	Thay đổi năm 2021 so với năm 2020 (%)	Năm 2022 (đồng)
Tổng giá trị tài sản	73.028.118.287	103.939.137.854	42,33	104.889.178.776
Doanh thu thuần	130.360.063.564	142.958.194.711	9,66	188.120.521.308

Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	11.512.373.723	7.208.519.297	(37,38)	8.464.137.737
Lợi nhuận khác	(266.440.440)	(762.918.354)	(186,34)	(83.280.000)
Lợi nhuận trước thuế	11.245.933.283	6.445.600.943	(42,69)	8.380.857.737
Lợi nhuận sau thuế	9.659.868.623	5.543.216.811	(42,62)	6.684.094.688
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (Số tiền trả cổ tức/lợi nhuận sau thuế)	36,50%	49,36%	35,24	-
Tỷ lệ cổ tức	13 %	28 %	115,38	-

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC riêng năm 2022)

Bảng 20. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh công ty hợp nhất

Chỉ tiêu	Năm 2020 (đồng)	Năm 2021 (đồng)	Thay đổi năm 2021 so với năm 2020 (%)	Năm 2022 (đồng)
Tổng giá trị tài sản	73.759.451.612	105.650.897.123	43,24	102.626.741.006
Doanh thu thuần	139.254.993.067	150.599.101.436	8,15	201.883.084.752
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	11.512.373.723	7.208.519.297	(37,38)	8.458.555.597
Lợi nhuận khác	(266.440.440)	(762.918.354)	(186,34)	(77.697.860)
Lợi nhuận trước thuế	11.245.933.283	6.445.600.943	(42,69)	8.380.857.737
Lợi nhuận sau thuế	9.659.868.623	5.543.216.811	(42,62)	6.684.094.688
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (Số tiền trả cổ tức/lợi nhuận sau thuế)	36,50%	49,36%	35,24	-
Tỷ lệ cổ tức	13 %	28 %	115,38	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC hợp nhất năm 2022)

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: **Không có**

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh

⇓ Những thuận lợi

- Việc tiêm chủng vaccine phòng Covid – 19 đã được triển khai ở nhiều nước trên thế giới và bắt đầu được triển khai tại Việt Nam kỳ vọng sẽ kiểm soát được dịch bệnh.
- Nền kinh tế toàn cầu đã bước đầu phục hồi sau những chính sách nới lỏng tiền tệ của các Ngân hàng Trung Ương các nước.
- Chính phủ hỗ trợ việc giảm tiền thuế đất, giảm nộp các khoản thuế, lãi suất ngân hàng giảm. chi phí đầu tư vào các mặt hàng kinh doanh giảm mạnh.
- Công ty luôn được Các nhà cung cấp vẫn luôn đánh giá và tin tưởng
- Đội ngũ kinh doanh của công ty đã dần đi vào ổn định
- Bộ máy lãnh đạo Công ty có nhiều năm kinh nghiệm, gắn bó với sự phát triển của Công ty. Cơ cấu nguồn vốn an toàn, lành mạnh. Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, đáp ứng được nhu cầu phát triển trong tương lai.

⇓ Những khó khăn

- Tình hình kinh tế thế giới vẫn tiềm ẩn những rủi ro suy thoái.
- Đại dịch Covid – 19 vẫn chưa hoàn toàn được kiểm soát, việc tái bùng phát dịch bệnh đã và đang có những diễn biến phức tạp.
- Tình hình các doanh nghiệp phá sản, giải thể gia tăng. Số lượng người lao động thất nghiệp tăng cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây.

Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2021:
Không có

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

a. Vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 21. Vốn điều lệ qua các năm

Năm	Vốn điều lệ (VNĐ)
21/07/2005	16.000.000.000
11/08/2008	18.080.000.000
06/07/2010	23.504.000.000
4/2021	36.000.000.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

Nguồn vốn kinh doanh

Chi tiết nguồn vốn kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng 22. Tình hình vốn kinh doanh công ty mẹ

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Nợ phải trả	39.195.485.667	56.434.601.423	61.053.327.091
Vốn chủ sở hữu	33.832.632.620	47.504.536.431	43.835.851.685
Tổng cộng	73.028.118.287	103.939.137.854	104.889.178.776

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC riêng năm 2022)

Bảng 23. Tình hình vốn kinh doanh công ty hợp nhất

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Nợ phải trả	39.869.439.238	58.088.980.938	54.243.509.567
Vốn chủ sở hữu	33.890.012.374	47.561.916.185	48.383.231.439
Tổng cộng	73.759.451.612	105.650.897.123	102.626.741.006

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC hợp nhất năm 2022)

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian khấu hao ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	05-24 năm
Máy móc, thiết bị	04-10 năm
Phương tiện vận tải	05-20 năm
Thiết bị văn phòng	03-05 năm
Các tài sản khác	05 năm
Phần mềm quản lý	04 năm
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

2.1.3. Mức lương bình quân:

Mức lương bình quân của công ty trong năm 2021 là 12.800.000 đồng/người/tháng. So với mức lương cơ bản theo quy định của các cơ quan Nhà nước, mức lương bình quân của Công ty được đánh giá là ở mức tốt.

2.1.4. Tình hình công nợ**Bảng 24. Tình hình công nợ Công ty mẹ**

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Tổng Các khoản phải thu	30.940.790.457	36.314.516.882	30.538.077.238
Tổng Các khoản phải trả	39.195.485.667	56.434.601.423	61.053.327.091

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC riêng năm 2022)

Bảng 25. Tình hình công nợ Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Tổng Các khoản phải thu	33.552.009.106	35.734.616.225	33.226.120.386
Tổng Các khoản phải trả	39.869.439.238	58.088.980.938	54.243.509.567

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC hợp nhất năm 2022)

2.1.5. Các khoản phải thu**Bảng 26. Các khoản nợ phải thu của Công ty mẹ**

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Phải thu ngắn hạn	30.940.790.457	36.314.516.882	30.538.077.238
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	16.283.431.018	25.124.094.725	20.568.311.758
Trả trước cho người bán ngắn hạn	13.799.187.118	9.543.313.614	5.364.010.002
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	938.105.010	1.882.691.233	4.841.338.168
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(79.932.689)	(235.582.690)	(235.582.690)
Phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng	30.940.790.457	36.314.516.882	30.538.077.238

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC riêng năm 2022)

Bảng 27. Các khoản phải thu quá hạn tại 31/12/2022 – Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

STT	Các khoản phải thu quá hạn	Giá trị khoản phải thu quá hạn	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân quá hạn	Khả năng thu hồi	Giá trị trích lập dự phòng tại 31/12/2022
1	Công ty CP Vinavetco	79.932.689	3 năm	Do covid khó khăn	Khách hàng cam kết cuối năm 2022 trả	79.932.689
2	Công ty TNHH Thương mại Quốc thiên	243.333.762	1 năm	Do covid khó khăn	Khách hàng cam kết cuối năm 2022 trả	121.666.881
3	Công ty sản xuất thương mại dịch vụ V/K	67.966.240	1 năm	Do covid khó khăn	Khách hàng cam kết cuối năm 2022 trả	33.983.120
	Tổng cộng	391.232.691				235.582.690

(Nguồn: Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

Bảng 28. Các khoản nợ phải thu của Công ty hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Phải thu ngắn hạn	33.552.009.106	35.734.616.225	33.226.120.386
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	17.838.706.578	24.007.737.925	22.726.682.560
Trả trước cho người bán ngắn hạn	14.909.029.805	10.107.706.036	5.791.150.002
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	961.562.041	1.892.111.583	4.943.870.514
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(157.289.318)	(272.939.319)	(235.582.690)
Phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng	33.552.009.106	35.734.616.225	33.226.120.386

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC hợp nhất năm 2022)

Bảng 29. Các khoản phải thu quá hạn tại 31/12/2022 – Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

STT	Các khoản phải thu quá hạn	Giá trị khoản phải thu quá hạn	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân quá hạn	Khả năng thu hồi	Giá trị trích lập dự phòng tại 31/12/2022
1	Công ty CP Vinavetco	79.932.689	3 năm	Do covid khó khăn	Khách hàng cam kết cuối năm 2022 trả	79.932.689
2	Công ty TNHH Thương mại Quốc thiên	243.333.762	1 năm	Do covid khó khăn	Khách hàng cam kết cuối năm 2022 trả	121.666.881
3	Công ty sản xuất thương mại dịch vụ V/K	67.966.240	1 năm	Do covid khó khăn	Khách hàng cam kết cuối năm 2022 trả	33.983.120
	Tổng Cộng	391.232.691				235.582.690

(Nguồn: Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

2.1.6. Các khoản phải trả

Bảng 30. Các khoản nợ phải trả của công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
I. Nợ ngắn hạn	39.195.485.667	49.006.601.423	57.449.327.093
1. Phải trả người bán ngắn hạn	3.546.728.268	8.874.699.690	5.057.792.349
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	139.815.497	35.027.767	8.159.725.164
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.633.826.119	2.785.986.315	4.203.705.943
4. Phải trả người lao động	1.592.807.932	1.602.450.234	1.915.479.432
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	91.808.608	114.760.760	68.856.456
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	0	0	1.149.454.544
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.638.611.681	2.690.298.266	8.973.990.695
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	27.537.394.577	32.781.792.406	27.874.757.091
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14.492.985	121.585.985	45.565.419

II. Nợ dài hạn	0	7.428.000.000	3.603.999.998
<i>1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	0	7.428.000.000	3.603.999.998
Tổng	39.195.485.667	56.434.601.423	61.053.327.091

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC riêng năm 2022)

Bảng 31. Các khoản nợ phải trả của công ty hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
I. Nợ ngắn hạn	39.869.439.238	50.660.980.938	50.639.509.569
<i>1. Phải trả người bán ngắn hạn</i>	4.096.574.025	9.087.742.440	4.722.158.454
<i>2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	140.802.357	114.643.578	1.638.074.507
<i>3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	3.633.826.119	2.824.586.315	4.238.052.017
<i>4. Phải trả người lao động</i>	1.702.807.932	1.662.450.234	1.915.479.432
<i>5. Chi phí phải trả ngắn hạn</i>	91.808.608	114.760.760	68.856.456
<i>6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</i>	0	0	1.149.454.544
<i>7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác</i>	2.638.611.681	2.690.298.266	8.973.990.695
<i>8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	27.537.394.577	34.031.792.406	27.874.757.091
<i>9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	27.613.939	134.706.939	58.686.373
II. Nợ dài hạn	0	7.428.000.000	3.603.999.998
<i>1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	0	7.428.000.000	3.603.999.998
Tổng	39.869.439.238	58.088.980.938	54.243.509.567

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC hợp nhất năm 2022)

+ Tình hình thanh toán các khoản nợ

Công ty thanh toán đúng và đầy đủ các khoản nợ đến hạn, không có nợ quá hạn tính đến thời điểm 31/12/2021 và thời điểm lập Bản cáo bạch này.

2.1.7. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty luôn tuân thủ các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật, thực hiện nộp đúng và đủ các loại thuế.

Bảng 32. Các khoản phải nộp của công ty mẹ theo luật định

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Thuế giá trị gia tăng	1.097.884.402	0	751.303.355
Thuế xuất nhập khẩu	0	0	3.224.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.589.209.651	909.703.371	1.704.082.288
Thuế thu nhập cá nhân	295.764.362	464.263.799	331.096.762
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	648.330.809	1.409.382.250	1.411.362.243
Các khoản phải nộp khác	2.636.895	2.636.895	2.636.895
Tổng cộng	3.633.826.119	2.785.986.315	4.203.705.943

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC riêng năm 2022)

Bảng 33. Các khoản phải nộp của công ty hợp nhất theo luật định

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Thuế giá trị gia tăng	1.097.884.402	0	757.003.429
Thuế xuất nhập khẩu	0	0	3.224.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.589.209.651	909.703.371	1.704.082.288
Thuế thu nhập cá nhân	295.764.362	502.863.799	359.742.762
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	648.330.809	1.409.382.250	1.411.362.243
Các khoản phải nộp khác	2.636.895	2.636.895	2.636.895
Tổng cộng	3.633.826.119	2.824.586.315	4.238.052.017

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC hợp nhất năm 2022)

2.1.8. Trích lập các quỹ theo luật định:

Sau khi kết thúc niên độ tài chính, Công ty sẽ tiến hành trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Tình hình số dư cuối kỳ của các quỹ tại thời điểm ngày 31/12/2020, 31/12/2021 như sau:

Bảng 34. Số dư các quỹ Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Quỹ đầu tư phát triển	668.763.997	1.151.756.997	1.151.756.997
Tổng	668.763.997	1.151.756.997	1.151.756.997

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC riêng năm 2022)

Bảng 35. Số dư các quỹ Công ty hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022
Quỹ đầu tư phát triển	726.143.751	1.209.136.751	1.209.136.751
Tổng	726.143.751	1.209.136.751	1.209.136.751

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, 2021 đã được kiểm toán; BCTC hợp nhất năm 2022)

2.1.9. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Không có.

2.1.10. Khoản đầu tư tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định phân loại lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính liên quan đến khoản đầu tư trái phiếu có giá trị 500.000.000 VND theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có kỳ hạn 7 năm, mã trái phiếu AGRIBANK202703, đợt phát hành ngày 24/12/2020 từ Đầu tư tài chính ngắn hạn sang Đầu tư tài chính dài hạn.

Nội dung về việc phân loại lại một số chỉ tiêu liên quan đến khoản đầu tư tài chính đã được trình bày tại Thuyết minh số 30 BCTC riêng năm 2021 của VXT đã được kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán số 030322.015/BCTC.FIS2 và Thuyết minh số 31 BCTC hợp nhất năm 2021 của VXT đã được kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán số 030322.016/BCTC.FIS2 ngày 03/03/2022 của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
I. Đầu tư tài chính ngắn hạn	500.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	500.000.000 (*)	-
II. Đầu tư tài chính dài hạn	-	500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	500.000.000 (**)

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2020, 2021 đã được kiểm toán)

(*) Thông tin chi tiết về khoản đầu tư tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4 BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020.

(**) Thông tin chi tiết về khoản đầu tư tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4 BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2021.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 36. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Công ty mẹ

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,15	1,18
- Hệ số thanh toán nhanh (tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,86	0,79
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	53,67	54,30
- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	115,85	118,80
3. Năng lực hoạt động			
- Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	Vòng	2,86	2,78
- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	1,84	1,62
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	6,73	7,17
4. Khả năng sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) (Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	%	7,41	3,88

- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	%	31,20	13,6
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	%	13,65	6,26
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ/CP	-	-

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, 2021 đã được kiểm toán)

Bảng 37. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,27	1,25
- Hệ số thanh toán nhanh (tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,92	0,77
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	54,05	54,98
- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	117,64	122,13
3. Năng lực hoạt động			
- Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	Vòng	2,77	2,64
- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	1,95	1,68
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	6,12	6,03
4. Khả năng sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) (Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	%	6,94	3,68
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	%	31,15	13,61
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	%	13,51	6,18
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ/CP	4.110	1.540

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020, 2021 đã được kiểm toán)

- Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Các chỉ tiêu về thanh toán hiện hành của công ty giảm dần qua các năm (năm 2020 là 1,27 lần, sang năm 2021 là 1,25 lần). Lí do là các khoản vay ngắn hạn tăng nhanh trong các năm qua.
- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Trong cơ cấu vốn, hệ số nợ/ tổng tài sản bình quân và hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu bình quân tăng nhẹ so với năm ngoái, nợ chiếm 54,98% tổng giá trị tài sản bình quân của Công ty, nợ chiếm 122,13% vốn chủ sở hữu bình quân. Nguyên nhân do trong năm Công ty tăng mạnh sử dụng các nguồn vốn huy động.
- Chỉ tiêu về khả năng hoạt động: Các chỉ tiêu về doanh thu hoạt động/ Vốn chủ sở hữu bình quân và doanh thu hoạt động/ Tổng tài sản bình quân năm 2021 giảm nhẹ so với năm 2020, nguyên nhân đến từ tác động tiêu cực từ dịch Covid-19 đến khả năng hoạt động của công ty.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời giảm nhiều trong năm 2021 do công ty chịu ảnh hưởng nặng nề của đợt dịch Covid-19 bùng phát trong năm 2021.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

- **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2020:**

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”
- **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020:**

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”
- **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2021:**

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”
- **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021:**

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 38. Kế hoạch Doanh thu, Lợi nhuận và cổ tức năm 2023 – Công ty mẹ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	% Hoàn thành KH	Kế hoạch năm 2023	% Tăng giảm so với TH 2022
Doanh thu thuần	138.000.000.000	188.120.521.308	136,32	155.000.000.000	(17,61)
Lợi nhuận sau thuế	5.326.400.000	6.688.030.190	125,56	7.300.000.000	9,15
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	3,86%	3,56%	92,23	4,71%	32,47
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	9,33%	16,45%	176,31	15,98%	(2,81)
Tỷ lệ cổ tức	10%	-	-	10%	-

(Nguồn: Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

Bảng 39. Kế hoạch Doanh thu, Lợi nhuận và cổ tức năm 2023 – Hợp nhất

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	% Hoàn thành KH	Kế hoạch năm 2023	% Tăng giảm so với TH 2022
Doanh thu thuần	138.000.000.000	207.988.008.424	150,72	155.000.000.000	(25,48)
Lợi nhuận sau thuế	5.326.400.000	6.688.030.190	125,56	7.300.000.000	9,15
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần hoặc	3,86%	3,22%	83,42	4,71%	46,46

Thu nhập lãi thuần					
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	9,33%	16,42%	175,99	15,22%	(7,34)
Tỷ lệ cổ tức	10%	-	-	10%	-

(Nguồn: Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại)

Ghi chú: (*) Kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại được lập bởi Phòng Kế toán, Hội đồng quản trị công ty đang xem xét cân nhắc kế hoạch và dự kiến sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và có thể có sửa đổi bổ sung.

Căn cứ thực hiện kế hoạch doanh thu và lợi nhuận:

+ Về tổ chức bộ máy, nhân sự:

- Sắp xếp lại bộ máy gián tiếp một cách khoa học hạn chế các khâu trung gian, nâng cao năng suất lao động tiết giảm chi phí
- Đánh giá thường xuyên chất lượng lao động hiện tại, yêu cầu người lao động có trách nhiệm, đáp ứng tốt với công việc của mình đảm nhiệm (nếu không đáp ứng được công việc thì chấm dứt hợp đồng lao động),
- Đào tạo tại chỗ hoặc cử đi đào tạo các khóa ở bên ngoài
- Mạnh dạn đầu tư công nghệ và tận dụng tối đa các sản phẩm dịch vụ của các đối tác khách hàng nhằm nâng cao công tác quản lý và điều hành.

+ Về đầu tư cơ sở vật chất

- Trong năm 2022, tòa nhà Văn phòng làm việc tại 473 Minh Khai, thành phố Hà Nội đã xây xong và đang hoàn thiện, dự kiến đến năm 2023 đưa vào sử dụng.
- Các khu vực đất Công ty đang quản lý và thuê của nhà nước tại các Thành phố đều nằm trong quy hoạch phát triển đô thị, do vậy việc tiếp tục triển khai phát triển kho bãi sẽ gặp nhiều khó khăn và sẽ không còn phù hợp. Thời gian tới HĐQT sẽ phải nghiên cứu chuyển đổi các khu đất Công ty sang hướng kinh doanh mới.
- Lập dự án và các thủ tục cần thiết để xin thành phố ký hợp đồng thuê đất dài hạn tại hai khu đất số 20 Mạc Thị Bưởi và khu đất 1200 m² tại Trâu Quỳ, lập dự án xây dựng để xin thành phố Hà Nội gia hạn thời gian thuê đất
- Lập phương án sản xuất kinh doanh để khai thác có Hiệu quả hơn khu đất tại Thành phố Thuận an Tỉnh Bình Dương.

+ Các giải pháp kinh doanh kho bãi

- Tách mảng kinh doanh Bất động sản bằng việc khai thác các cơ sở tài sản đất đai hiện có của Công ty và triển khai mở các dự án Bất động sản tiềm năng hiệu quả tại các tỉnh thành có nhiều khu Công nghiệp

- Hoàn thành thành dự án số 473 Minh Khai đi vào hoạt động
- Tiếp tục duy trì cho thuê hệ thống kho bãi hiện có của Công ty, nâng cấp sửa chữa đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các khách hàng thuê kho bãi
- Lập hồ sơ phương án PCCC tại các khu vực kho quy định của nhà nước Mua sắm các thiết bị phòng cháy chữa cháy, tổ chức tập huấn thường xuyên về công tác phòng cháy chữa cháy.
- Thường xuyên theo dõi khách hàng để nắm bắt được nhu cầu, đề xuất HĐQT để xây dựng mới hoặc cải tạo diện tích, kịp thời xử lý và tìm khách hàng mới khi khách hàng cũ trả kho, cố gắng duy trì hiệu suất thuê kho bãi năm 2023 trên 90%.
- Hoàn thành việc được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư tại khu đất 20 Mạc Thị Bưởi và Khu đất 1200 m2 tại Trâu Quỳ Hà nội

+ Các giải pháp kinh doanh dịch vụ giao nhận vận tải và xuất nhập khẩu:

- Đây là mảng kinh doanh truyền thống của công ty, tuy nhiên công ty không có phương tiện vận chuyên, chúng ta chỉ đơn thuần là làm dịch vụ, nên việc phát triển khách hàng mới rất khó và hiệu quả kinh doanh không cao.
- Tập trung nghiên cứu thị trường tìm ra các mặt hàng mới để kinh doanh

+ Các giải pháp kinh doanh thương mại

- Tách riêng mảng kinh doanh này sang Công ty Cổ phần Kho vận và dịch vụ Thương Mại Hà Nội, tạo điều kiện phát triển Công ty theo 2 mảng kinh doanh chính đó là kinh doanh Bất động sản và kinh doanh thương mại.
- Không ngừng Đào tạo, tuyển dụng các lao động có trình độ chuyên môn, có tâm huyết gắn bó với Công ty, Các NV kinh doanh cần phải thường xuyên được đi đào tạo tại các khóa học bên ngoài và khóa học đào tạo của các nhà sản xuất, nhà cung cấp.
- Tính toán, cân đối việc nhập hàng đúng chủng loại số lượng đảm bảo lượng hàng hóa cung cấp cho khách hàng, tránh ứ đọng vốn, giảm thiểu tối đa việc hàng hóa chậm luân chuyển, kém chất phẩm chất phát sinh mới.
- Phân tích, đánh giá khách hàng thường xuyên liên tục nhằm phát hiện kịp thời các khách hàng không có khả năng thanh toán, tình hình tài chính yếu kém, hạn chế tối đa việc phát sinh Công nợ khó đòi mới
- Phân loại các khách hàng hiện có của Công ty từ đó để xác định các khách hàng truyền thống, khách hàng chiến lược để có những chính sách về dịch vụ, giá cả tốt nhất
- Tập trung vào khách hàng trực tiếp là công các ty Giấy, cao su, nhựa, vận tải, cơ khí, tàu cá, tàu sông (thuyền nội địa)
- Tập trung vào các ngành công nghiệp kỹ thuật cao, công nghiệp nặng các khách hàng von FDI
- Tuyển dụng bổ sung nhân viên kinh doanh tại Hà Nội và Bình Dương.
- Hỗ trợ tốt nhất cho việc phát triển kinh doanh đầu tại Hải Phòng.
- Tiếp tục chăm sóc các nhà phân phối đã báo cáo với PTT + Đầu tư mua sắm tài sản cần thiết để phục vụ sản xuất kinh doanh.

+ Các giải pháp tài chính trong năm 2023

- Cân đối nguồn vốn hiệu quả nhất, chú trọng vòng quay vốn cân đối tham mưu cho lãnh đạo, bộ phận kinh doanh kế hoạch, số lượng hàng hóa tồn kho, nhập khẩu sao cho phù hợp đảm bảo đáp ứng nhu cầu kinh doanh và hạn chế ứ đọng vốn, đôn đốc theo dõi sát tình hình công nợ phải thu, tạm ứng và có những biện pháp kịp thời để hạn chế thấp nhất phát sinh công nợ khó đòi
- Hạch toán và phân tích rõ ràng và chi tiết các lĩnh vực kinh doanh từ đó có những đánh giá chính xác hiệu quả kinh doanh của từng lĩnh vực
- Rà soát tất cả các khoản chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí quản lý không hợp lý để tiến hành cắt giảm

+ Văn hóa doanh nghiệp:

- Yêu cầu mọi người lao động nêu cao tinh thần tiết kiệm chống lãng phí
- Tiếp tục tạo môi trường làm việc bình đẳng và công bằng nhất để người lao động phát huy tối đa năng lực bản thân, đóng góp cho công ty, hài hòa quyền lợi Công ty và người lao động.
- Áp dụng thưởng phạt nghiêm minh theo quy chế đó ban hành nhằm động viên kịp thời, xử lý những vi phạm để phòng ngừa và răn đe.

Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại.

Năm 2022, Doanh thu thuần công ty đạt 188.120.521.308 đồng đạt 136,32 % so với kế hoạch năm 2022 đã được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua. Lợi nhuận sau thuế công ty đạt 6.688.030.190 đồng, vượt mức 25,56 % so với kế hoạch.

Tiếp đà phát triển năm 2022, Công ty đặt mục tiêu đạt mức doanh thu và lợi nhuận cao hơn so với kế hoạch đã đặt ra trong năm 2022. Tuy nhiên trước những diễn biến phức tạp của thị trường và các khó khăn trong ngành, kế hoạch kinh doanh năm 2023 được Công ty xem xét lập ra một cách kỹ lưỡng và thận trọng. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận và cổ tức mà Công ty đưa ra trong năm 2023 là có tính khả thi như kế hoạch, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2014, các hạn chế với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Từ lúc CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại thành lập (21/07/2005) đến nay đã quá thời hạn 03 năm nói trên, nên bản cáo bạch này sẽ không đề cập tới danh sách cổ đông sáng lập.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Bảng 40. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

Tên cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	CMND	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
Nguyễn Vạn Xuân	1972	Việt Nam	111550270	Xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa- TP Hà Nội	1.758.678	48,9%

Nguồn: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại

Bảng 41. Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan

Tên	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Thời điểm trở thành cổ đông lớn		31/12/2022		Dự kiến sau đợt chào bán	
		Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nguyễn Vạn Xuân	Cổ đông lớn	1.198.704	51%	1.758.678	48,9	2.057.653	48,9
Nguyễn Thị Oanh	Em gái	0	0	7.051	0,19	8.250	0,19
Nguyễn Thị Liêm	Em gái	0	0	15.724	0,43	18.397	0,43

Nguồn: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ: Không có

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành (nếu có): Không có

Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

a. Hội đồng quản trị

Bảng 42. Danh sách Hội đồng quản trị

STT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	QUỐC TỊCH	CHỨC VỤ
1	NGUYỄN VĂN XUÂN	1972	Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
2	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	1980	Việt Nam	Thành viên HĐQT
3	NGÔ QUANG VIỆT	1984	Việt Nam	Thành viên HĐQT
4	NGUYỄN VĂN HOÀN	1975	Việt Nam	Thành viên HĐQT
5	NGUYỄN KIM CƯỜNG	1973	Việt Nam	Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Văn Xuân - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên	Nguyễn Văn Xuân
- Giới tính	Nam
- Năm sinh	1972
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	111550270
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa- TP Hà Nội
- Trình độ văn hóa	PTTH 10/10
- Trình độ chuyên môn	Quản trị doanh nghiệp
- Quá trình công tác	

• Từ năm 2006-2010	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội Công ty CP phát triển quốc tế Việt Thắng
• Từ năm 2010- 2017	Chủ tịch HĐQT Công ty CP phát triển quốc tế Việt Thắng
• Từ 2017- nay	Thành viên HĐQT Công ty CP phát triển quốc tế Việt Thắng
• 04/2018 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP kho vận và Dịch vụ thương mại
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Chủ tịch HĐQT Công ty CP kho vận và Dịch vụ thương mại
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Thành viên HĐQT Công ty CP phát triển Quốc tế Việt Thắng
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	1.758.678 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	22.775 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Thù lao: 60.000.000 đồng Tiền lương: - Năm 2020: 708.200.000 VNĐ - Năm 2021: 708.400.000VNĐ ESOP: - Năm 2020: Không - Năm 2021: 1.400 cổ phần
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh	Không có

doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	
---	--

- Chi tiết sở hữu của những người có liên quan ông Nguyễn Văn Xuân

Tên cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Nguyễn Thị Oanh	030184001186	Em gái	7.051	0,19
Nguyễn Thị Liêm	111446633	Em gái	15.724	0,43
Tổng			22.775	0,62

Ông Đỗ Trường Giang – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên	Đỗ Trường Giang
- Giới tính	Nam
- Năm sinh	1980
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	013270666
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Số 3 ngách 43/33/37 ngõ 43 đường Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:	
• 9/2002 đến tháng 10/2004	Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Phương Anh
• 11/2004 đến tháng 11/2005	Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Argitech
• 12/2005 đến tháng 12 năm 2014	Kế toán viên Công ty CP Kho vận và DVTM
• 11/2015- nay	Kế toán trưởng Công ty CP Kho vận và DVTM
• 04/2018 – nay	Thành viên HĐQT Cty CP Kho vận và DVTM

- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT Cty CP Kho vận và DVTM
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	37.800 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	<p>Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:</p> <p>Thù lao: 48.000.000 đồng</p> <p>Tiền lương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2020: 419.682.000 đồng - Năm 2021: 414.292.000 đồng <p>ESOP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2020: Không - Năm 2021: 3.500 cổ phần
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

Ông Ngô Quang Việt - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên	Ngô Quang Việt
- Giới tính	Nam
- Năm sinh	1984
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	030084002536
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	P1406 ĐN 2 Tòa T1 Chung cư Thăng Long Victory An Khánh, Hoài Đức, HN
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ xây dựng
- Quá trình công tác	
• 2002-2007	Học Đại Học Xây dựng
• 2008-2012	Du học Trung Quốc
• 2013 – 2018	Làm Việc tại Đài Loan
• 2018- nay	Chủ tịch HĐQT trường ngoại ngữ và công nghệ Việt Nam
• 06/2020 - nay	Thành viên HĐQT Cty CP Kho vận và DVTM
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT Cty CP Kho vận và DVTM
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT trường ngoại ngữ và công nghệ Việt Nam
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	55.434 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	20.778 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Thù lao : 38.000.000 đồng Tiền lương: Không ESOP: Không
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

- Chi tiết sở hữu của những người có liên quan ông Ngô Quang Việt

Tên cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Nguyễn Thị Diệp	151830073	Vợ	20.778	0,58
Tổng			20.778	0,58

Ông Nguyễn Văn Hoàn – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên	Nguyễn Văn Hoàn
- Giới tính	Nam
- Năm sinh	1975
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	035075003129
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	P806 Tòa Vimeco, tổ 41 Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	

• 2001-2005	Đại học thương mại Hà Nội
• 2005-2009	Phó tổng giám đốc Cty CP Việt Thắng
• 2009-2013	Phó tổng giám đốc Cty CP Việt Thắng
• 2013 - 2017	Tổng giám đốc Cty CP Việt Thắng
• 2017 - nay	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Việt Thắng
• 06/2020 - nay	Thành viên HĐQT Cty CP Kho vận và DVTM
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT Cty CP Kho vận và DVTM
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Việt Thắng
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	35.250 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Thù lao : 38.000.000 đồng Tiền lương: Không ESOP: Không
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

Ông Nguyễn Kim Cương – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên	Nguyễn Kim Cương
- Giới tính	Nam
- Năm sinh	1973
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	001073017097
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Phường Yết Kiêu – TX. Hà Đông – HN
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Kinh Tế
- Quá trình công tác	
• 07/1995 - 09/2002	Kế toán viên
• 10/2002 - 7/2005	Phó trưởng phòng TCKT
• 08/2005 - 05/2014	Kế toán trưởng
• 06/2014 - 11/2015	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng TCKT
• 12/2016 - 07/2017	Phó TGD Cty CP Kho vận và DVTM kiêm Chủ tịch HĐQT
• 04/2018 - nay	Tổng Giám đốc Cty CP Kho vận và DVTM
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Tổng Giám đốc Cty CP Kho vận và DVTM
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	129.529 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	83.692 cổ phần

- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	<p>Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:</p> <p>Thù lao : 48.000.000 đồng</p> <p>Tiền lương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2020: 520.939.464 đồng - Năm 2021: 503.581.000 đồng <p>ESOP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2020: Không - Năm 2021: 4.000 cổ phần
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

- Chi tiết sở hữu của những người có liên quan ông Nguyễn Kim Cương

Tên cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu	Mối quan hệ	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Phạm Thị Thanh Thùy	033176006757	Vợ	55.968	1,55
Nguyễn Kim Anh	001076032680	Em Trai	27.724	0,77
Tổng			83.692	2,32

b. Ban Tổng Giám đốc

Bảng 43. Danh sách Ban Tổng Giám đốc

HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	QUỐC TỊCH	CHỨC VỤ
-----------	----------	-----------	---------

Nguyễn Kim cương	1973	Việt Nam	Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Thìn	1976	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Lê Văn Nam	1980	Việt Nam	Giám đốc chi nhánh Bình Dương
Lại Hợp Điền	1980	Việt Nam	Quyền Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng

Ông Nguyễn Kim Cương – Tổng Giám đốc: Sơ yếu lý lịch ở phần Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Thìn – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên	Nguyễn Văn Thìn
- Giới tính	Nam
- Năm sinh	1976
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	035076000952
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	86 Cửa Bắc, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Kinh Tế
- Quá trình công tác	
• 2/2003 - 3/2006	Nhân viên kinh doanh Chi nhánh Bitis' Hà Nội
• 4/2006 - 10/2013	Nhân viên kinh doanh Công ty CP Kho vận và DV TM
• 11/2013 - 11/2015	Phó trưởng phòng Kinh doanh dầu nhờn và dung môi hóa chất Công ty CP Kho vận và DV TM
• 12/2015 - 3/2018	Trưởng phòng Kinh doanh dầu nhờn và dung môi hóa chất Công ty CP Kho vận và DV TM
• 4/2018 đến nay	Phó TGD Cty CP Kho vận và DV TM

- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Phó TGD Cty CP Kho vận và DVTM
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	22.438 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	<p>Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:</p> <p>Thù lao: Không</p> <p>Tiền lương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2020: 470.860.000 đồng - Năm 2021: 500.589.000 đồng <p>ESOP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2020: Không - Năm 2021: 4.000 cổ phần
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

Ông Lê Văn Nam – Giám đốc chi nhánh Bình Dương

- Họ và tên	Lê Văn Nam
- Giới tính	Nam
- Năm sinh	1980
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	040053000003
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Quận 7, TP HCM
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Kinh tế
- Quá trình công tác	
• 11/2004-12/2008	Nhân viên kế toán Chi nhánh Công ty CP Kho vận và DVTM tại miền Nam
• 1/2009-9/2017	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Kho vận và DVTM Miền Nam
• 10/2017 đến nay	Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Kho vận và DVTM tại Bình Dương
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Kho vận và DVTM tại Bình Dương
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	55.609 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	<p>Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:</p> <p>Thù lao: Không</p> <p>Tiền lương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2020: 457.011.000 đồng - Năm 2021: 508.942.000 đồng <p>ESOP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2020: Không - Năm 2021: 3.300 cổ phần
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

Ông Lại Hợp Điền - Quyền Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng

- Họ và tên	Lại Hợp Điền
- Giới tính	Nam
- Năm sinh	1980
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	034080006680
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Số 18 ngõ 79, Bùi Thị Từ Nhiên, Phường Đông Hải, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Kinh tế

- Quá trình công tác	
• 2006-2009	Nhân viên tại Công ty Cổ phần Deltal tại Hải Phòng
• 2010-2012	Nhân viên tại Công ty TNHH Vận tải Tùng Xuân
• 2013- 2019	Nhân viên giao nhận vận tải tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận và DVTM Chi nhánh Hải Phòng II
• 2019 đến nay	Giám đốc Chi nhánh Công ty CP kho vận và dịch vụ thương mại Hải Phòng II
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Quyền Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	1.900 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Thù lao: Không Tiền lương: - Năm 2020: 136.795.000 - Năm 2021: 130.700.000 ESOP: - Năm 2020: Không - Năm 2021: 1.900 cổ phần
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có
--	----------

c. Ban kiểm soát

Bảng 44. Danh sách Ban Kiểm soát

HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	QUỐC TỊCH	CHỨC VỤ
Vũ Thị Thơm	1960	Việt Nam	Trưởng Ban kiểm soát
Hà Quang Tuấn	1980	Việt Nam	Thành viên Ban kiểm soát
Phan Ngọc Tân	1988	Việt Nam	Thành viên Ban kiểm soát

Bà Vũ Thị Thơm – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên	Vũ Thị Thơm
- Giới tính	Nữ
- Năm sinh	1960
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	010413940
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	1P21 phường Tân Mai, thành phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	Làm việc tại Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại
• 04/1983 - 09/1989	Đoàn xe vận tải Nội thương I

• 10/1989 - 7/2005	Chuyên viên, Xí nghiệp vận tải – Công ty Cp Kho vận và DVTM
• 8/2005 - 07/2015	Chuyên viên, phó tổ trưởng tổ KDTH,CN số 1 - Công ty CP Kho vận và DVTM
• 8/2015 - 04/2018	Trưởng Ban kiểm soát, Công ty CP Kho vận và DVTM
• 05/2018 - nay	Trưởng Ban kiểm soát, Công ty CP Kho vận và DVTM
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Trưởng Ban kiểm soát, Công ty CP Kho vận và DVTM
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không có
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	34.130 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Thù lao: 55.000.000 Tiền lương: - Năm 2020: 31.000.000. - Năm 2021: 24.000.000. ESOP: Không
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

Ông Phan Ngọc Tân – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên	Phan Ngọc Tân
- Giới tính	Nam
- Năm sinh	1988
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	001088000373
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Số 48 ngách 19/78 phố Lạc Trung – P.Vĩnh Tuy- Q. Hai Bà Trưng - HN
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác	Làm việc tại Công ty cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại
• 7/2012 - 12/2016	Chuyên viên, Công ty CP Kho vận và DV TM
• 12/2016 - nay	Trợ lý TGD, Công ty CP Kho vận và DV TM
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm trợ lý TGD
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	19.500 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Thù lao: .

	Tiền lương: 29.123.000 - Năm 2020: 17.123.000 - Năm 2021: 12.000.000 ESOP: - Năm 2020: Không - Năm 2021: 1.800 cổ phần
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

Ông Hà Quang Tuấn – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên	Hà Quang Tuấn
- Giới tính	Nam
- Năm sinh	1980
- Quốc tịch	Việt Nam
- Số CMND/ Hộ chiếu	025082000020
- Dân tộc	Kinh
- Địa chỉ thường trú	Tổ 4 cụm 1, phường Xuân La, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội
- Trình độ văn hóa	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác	
• 2004-2007	Kế toán Công ty TNHH Bình Minh
• 2004-2015	Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 5
• 2015- 31/12/2018	Kế toán trưởng Công ty CP phát triển quốc tế Việt Thắng
• 04/2018 - nay	Thành viên BKS, Công ty CP Kho vận và DVTM

- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên BKS, Công ty CP Kho vận và DVTM
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đại diện theo ủy quyền	0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác	Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Thù lao: 29.123.000 Tiền lương: - Năm 2020: 17.123.000 - Năm 2021: 12.000.000 ESOP: Không
- Các khoản nợ đối với công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành	Không có

d. Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ
Đỗ Trường Giang	Kế toán trưởng

Ông Đỗ Trường Giang - Sơ yếu lý lịch ở phần Hội đồng quản trị

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng.

2. Mệnh giá cổ phiếu:

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán, phát hành:

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán, phát hành: **2.412.000** cổ phiếu. Trong đó:

- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức: 612.000 cổ phiếu
- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 1.800.000 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán, phát hành theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán, phát hành theo mệnh giá: 24.120.000.000 đồng.

Trong đó:

- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức: 6.120.000.000 đồng
- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 18.000.000.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến:

Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: Bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phiếu)

7. Phương thức phân phối

7.1. Phát hành cổ phiếu trả cổ tức

- *Đối tượng phát hành:* Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu.
- *Tỷ lệ phát hành:* 17% lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành. Tại thời điểm lập phương án này, số cổ phiếu đã phát hành của Công ty là 3.600.000 cổ phiếu và cổ phiếu quỹ là 0 cổ phiếu, số cổ phiếu đang lưu hành là 3.600.000 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức cho cổ đông sẽ căn cứ theo tỷ lệ thực hiện quyền của số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông.

- *Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh:* Số lượng cổ phiếu phát hành sẽ làm tròn xuống hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ, không phát hành.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 543 cổ phiếu, sẽ được hưởng 543 quyền mua. Khi đó, số cổ phiếu phát hành thêm mà A được nhận là 92,31 cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn số trên, số cổ phần mới cổ đông A được nhận là 92 cổ phần, số cổ phần lẻ (0,31 cổ phần) sẽ được hủy bỏ.

- *Nguồn thực hiện phát hành:* Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2021 theo Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán
- *Thời gian thực hiện:* Sau khi nhận được chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, dự kiến trong năm 2022.

7.2. Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ năm 2022:

- *Đối tượng chào bán:* Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu.
- *Tỷ lệ chào bán:* 50% lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chào bán cổ phiếu.

Tại thời điểm lập phương án này, số cổ phiếu đã phát hành của Công ty là 3.600.000 cổ phiếu và cổ phiếu quỹ là 0 cổ phiếu, số cổ phiếu đang lưu hành là 3.600.000 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ căn cứ theo tỷ lệ thực hiện quyền của số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông.

- *Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:* Cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng. Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (*người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba*). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 543 cổ phần, sẽ được hưởng 272 quyền mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư B và chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư C. Nhà đầu tư B và C không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cho người thứ ba.

- *Phương án làm tròn đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền:* Để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ hủy bỏ, không chào bán.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 105 cổ phiếu, cổ đông A được quyền mua $105 \times 50\% = 52,5$ cổ phiếu, theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị thì số cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 52 cổ phiếu.

- *Phương án xử lý số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết:*

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Số lượng cổ phiếu do Hội đồng quản trị phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

- *Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán:* Trong trường hợp cổ phần đăng ký chào bán không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cân nhắc phương án bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua hình thức huy động khác như vay ngân hàng, vay từ cá nhân, tổ chức khác...

- *Về tỷ lệ chào bán thành công hoặc số tiền tối thiểu cần thu được trong đợt chào bán:*

Không quy định.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định căn cứ theo tình hình của Công ty phù hợp với quy định pháp luật đảm bảo thành công cho đợt chào bán.

- *Thời gian thực hiện:* Sau khi Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán, trong năm 2022-2023.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn: Theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu.

- Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký: Cổ đông đăng ký mua tại Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại đồng thời nộp tiền vào tài khoản phong tỏa.
- Đối với cổ đông đã thực hiện lưu ký: Cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu tại Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Bảng 45. Lịch trình dự kiến phân phối chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán cổ phiếu để trả cổ tức để tăng vốn Điều lệ năm 2022

STT	Hạng mục	Thời gian
1	Ủy ban Chứng khoán cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu	D
2	Công bố thông tin chào bán cổ phiếu	D+3
3	Thông báo VSD về ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới	D+3
4	Chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu	D + 14
5	VSD gửi danh sách chốt cho Công ty (Danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu và Danh sách phân bổ quyền nhận cổ phiếu phát hành trả cổ tức)	D+20
6	Công ty gửi công văn chấp thuận cho VSD	D+21
7	Các cổ đông thực hiện đăng ý mua, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu: - Cổ đông đã lưu ký: nộp tiền thông qua Công ty chứng khoán nơi mở tài khoản.	Từ D+22 đến hết D+45
8	Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước trên cơ sở danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu	D + 50
9	Thực hiện thay đổi Giấy phép thành lập	D + 55
10	Nộp hồ sơ đăng ký giao dịch bổ sung cho HNX	D + 60
11	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung cho VSD	D + 60
12	Quyết định chấp thuận giao dịch bổ sung	D + 70
13	Công ty chọn ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu giao dịch bổ sung	

Bước 1: Thông báo quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu

Công ty phối hợp thực hiện chốt danh sách cổ đông với TTLKCKVN để lập danh sách người sở hữu cuối cùng đồng thời công bố thông tin về đợt phát hành trực tiếp tới các cổ đông trên phương tiện thông tin đại chúng. Sau ngày chốt danh sách cổ đông, Công ty phối hợp với TTLKCKVN phân bổ và thông báo quyền nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn thành viên chưa thực hiện lưu ký chứng khoán.

Bước 2: Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu

Trên cơ sở Danh sách phân bổ quyền mua cổ phần do TTLKCKVN cung cấp, các thành viên lưu ký tổ chức cho các cổ đông đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành; đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký thì sẽ đăng ký và nộp tiền tại Công ty.

Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua cổ phần theo tỷ lệ quy định, thời gian cụ thể trên thông báo phát hành.

Bước 3: Kết thúc thời hạn thực hiện quyền

Chậm nhất 08 ngày làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền, TTLKCKVN gửi Danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua chứng khoán phát hành thêm đối với chứng khoán lưu lý cho Công ty và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa mà Công ty đã thông báo.

Bước 4: Phân phối chứng khoán

Kế hoạch phân phối chi tiết trong bảng kế hoạch trên.

Bước 5: Thông báo kết quả đợt phát hành

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, Công ty tiến hành báo cáo kết quả tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trong trường hợp sau khi có Giấy chứng nhận chào bán mà tình hình thực tế cần phải thay đổi thời gian dự kiến nêu trên thì HĐQT Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh phù hợp song vẫn đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu**10.1. Phát hành cổ phiếu trả cổ tức**

Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức là cổ phiếu tự do chuyển nhượng.

10.2. Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ năm 2022:

Cổ phiếu Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ năm 2022 là cổ phiếu tự do chuyển nhượng.

Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình hoặc từ chối quyền mua. Các cổ động có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ 3).

Số cổ phần không phân phối hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua được Hội đồng quản trị phân phối cho các đối tượng khác theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ năm 2022:

- Tài khoản số: 1500201119075
- Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Thương mại
- Ngân hàng: Ngân hàng NN và phát triển nông thôn, chi nhánh Hà Nội

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành:

Không có quy định.

13. Hủy bỏ đợt chào bán (trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để thực hiện dự án)

Không áp dụng

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Theo công văn số 4557-UBCK-PTTT ngày 19/07/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VXT là 0%.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: Không quy định.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại: 0% (Theo danh sách cổ đông chốt ngày 21/03/2022)

Do đó, phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài như sau:

- Cổ đông hiện hữu chỉ được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho các tổ chức, cá nhân trong nước.
- Cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua nếu có sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho các tổ chức, cá nhân trong nước.

15. Các loại thuế có liên quan

15.1. Đối với hoạt động giao dịch chứng khoán của các nhà đầu tư:

Đối với cá nhân cư trú:

- Đối với thu nhập từ đầu tư vốn: Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn áp dụng theo Biểu thuế toàn phần với thuế suất là 5%.
- Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán: Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- Đối với trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu:

- (i) Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cá nhân chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân khi nhận cổ phiếu:

Khi chuyển nhượng số cổ phiếu này, cá nhân phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, cụ thể như sau:

Căn cứ để xác định số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với thu nhập từ đầu tư vốn là giá trị cổ tức ghi trên sổ sách kế toán hoặc số lượng cổ phiếu thực nhận nhân (\times) với mệnh giá của cổ phiếu đó và thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn.

- (ii) Trường hợp giá chuyển nhượng cổ phiếu nhận thay cổ tức thấp hơn mệnh giá thì tính thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động đầu tư vốn theo giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng.

Sau khi nhận cổ tức bằng cổ phiếu, nếu cá nhân có chuyển nhượng cổ phiếu cùng loại thì khai và nộp thuế thu nhập cá nhân đối với cổ tức nhận bằng cổ phiếu cho tới khi hết số cổ phiếu nhận thay cổ tức

Đối với cá nhân không cư trú:

- Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn của cá nhân không cư trú được xác định bằng tổng thu nhập tính thuế mà cá nhân không cư trú nhận được từ việc đầu tư vốn vào tổ chức, cá nhân tại Việt Nam nhân (×) với thuế suất 5%.
- Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú được xác định bằng tổng số tiền mà cá nhân không cư trú nhận được từ việc chuyển nhượng phần vốn tại các tổ chức, cá nhân Việt Nam nhân (×) với thuế suất 0,1%, không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.

Đối với nhà đầu tư tổ chức: Thuế đối với đầu tư chứng khoán:

Đối với NĐT tổ chức Việt Nam: Thu nhập từ đầu tư chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành.

Đối với NĐT tổ chức nước ngoài: Thu nhập từ đầu tư chứng khoán tại thị trường chứng khoán Việt Nam áp dụng thuế suất thuế 0,1% trên giá trị giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật hiện hành.

15.2. Đối với hoạt động kinh doanh của VINATRANCO:

- Đối tượng không chịu thuế GTGT: Hoạt động Kinh doanh thương mại và dịch vụ
- Các hoạt động khác: Chịu thuế GTGT theo quy định về thuế giá trị gia tăng của Pháp luật hiện hành.

16. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết thực hiện niêm yết cổ phiếu chào bán thành công trên hệ thống giao dịch chứng khoán đảm bảo tuân thủ quy định việc Tổ chức phát hành phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Kế hoạch:

- Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty thực hiện báo cáo kết quả chào bán với UBCKNN theo quy định.
- Toàn bộ cổ phiếu thực tế chào bán thành công sẽ được Công ty đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo quy định của pháp luật hiện hành.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Mục đích phát hành cổ phiếu trả cổ tức: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 nhằm tăng quy mô vốn điều lệ phục vụ các hoạt động của Công ty

Mục đích phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: Tái cơ cấu lại các khoản nợ nhằm nâng cao năng lực tài chính, Trả nợ vay các Ngân hàng.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 18.000.000.000 đồng được sử dụng để Tái cơ cấu lại các khoản nợ nhằm nâng cao năng lực tài chính, Trả nợ vay các Ngân hàng trong năm 2022 – 2023.

Chi tiết như sau:

Mục đích sử dụng vốn	Số tiền sử dụng (đồng)	Thời gian sử dụng dự kiến
<i>Trả nợ vay các Ngân hàng (Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh Hà Nội) theo Hợp đồng tín dụng số 1500LAV202102599 và số 1500LAV202201903</i>	18.000.000.000	Năm 2022 – 2023
Tổng cộng:	18.000.000.000	

Thông tin chi tiết về khoản nợ vay Ngân hàng (Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh Hà Nội):

+ Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-20221903 (Toàn bộ dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 1500LAV202102599 ngày 21/07/2021 đã được ký kết giữa Ngân hàng và khách hàng, được chuyển sang theo dõi tại Hợp đồng này.)

+ Giá trị hợp đồng:

- Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 đồng.
- Dư nợ tại ngày 31/08/2022: 28.738.829.287 đồng.

+ Lãi suất: Theo quy định Agribank tại thời điểm nhận nợ.

+ Kỳ hạn: Thời hạn cho vay là tối đa 06 tháng theo từng giấy nhận nợ cụ thể.

+ Thời gian dự kiến trả nợ: Trong năm 2023 (Dựa trên ngày đến hạn thanh toán của các Giấy nhận nợ thuộc Hợp đồng tín dụng số 1500-LAV-20221903.)

+ Mục đích vay nợ: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 - 2023

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi và xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phương án xử lý trong trường hợp cổ phần không chào bán hết theo dự kiến

Trong trường hợp cổ phần đăng ký chào bán không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cân nhắc phương án bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua hình thức huy động khác như vay ngân hàng, vay từ cá nhân, tổ chức khác...

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 1, phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3824 1990

Fax: (024) 3825 3973

Website: <https://aasc.com.vn/>

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: 52 Lạc Long Quân, Q. Tây Hồ - Hà Nội

Điện thoại: 19006446

Fax: 024.37739 058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 29 - 31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 19006446

Fax: 028.9255 246

Chi nhánh tại TP Đà Nẵng

Địa chỉ: 100 Quang Trung - Phường Thạch Thang - Quận Hải Châu - TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 19006446

Fax: 0236. 3553 888

Ý kiến của tổ chức tư vấn đối với đợt chào bán:

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập thông tin, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại như sau: Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu dùng để Tái cơ cấu lại các khoản nợ nhằm nâng cao năng lực tài chính; Trả nợ vay các Ngân hàng

trong năm 2022-2023 là phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại, Công ty Cổ phần chứng khoán FPT tham gia lập và công bố trên cơ sở Hợp đồng số 121/2022/FPTS/FCF-HN/VXT ký ngày 14/04/2022 giữa Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại và Công ty Cổ phần chứng khoán FPT. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại cung cấp. Bản cáo bạch này không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán. Công ty Cổ phần chứng khoán FPT khuyến nghị các nhà đầu tư tham khảo, tìm hiểu thông tin VXT công bố trước khi quyết định mua cổ phần.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ:

Không có

XII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Phụ lục II: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 35/2022-NQ ngày 08/04/2022 và Biên bản họp ĐHĐCĐ số 34/2022BB-HĐQT ngày 28/04/2022; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 36-2022/NQ/HĐQT/VXT ngày 18/05/2022; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 37-2022/NQ/HĐQT/VXT ngày 18/05/2022; Tờ trình số 27/2022/TT-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2022 và Tờ trình số 33/2022/TTr-HĐQT ngày 07/04/2022.

2. Phụ lục III: Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty.

3. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính của công ty:.

- Báo cáo tài chính năm 2022;
- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;
- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Kim Cương

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Vạn Xuân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đỗ Trường Giang

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT



GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Nguyễn Thị Hạnh